

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA**  
**“FMC”**

\*\*\*

THÁNG 03 NĂM 2019



---

## MỤC LỤC

	Trang
I. Thông tin chung	2-9
II. Tình hình hoạt động trong năm	10-25
III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc	25-31
IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị	31-32
V. Quản trị công ty	33-43
VI. Báo cáo tài chính	43

## **I. THÔNG TIN CHUNG:**

### **1. Thông tin khái quát:**

Công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta tiền thân là Doanh nghiệp nhà nước tên gọi Công ty thực phẩm xuất nhập khẩu tổng hợp Sóc Trăng đi vào hoạt động ngày 3 tháng 2 năm 1996 với vốn ban đầu 21 tỷ đồng từ ban Tài chính quản trị Tỉnh ủy Sóc Trăng đầu tư, chuyên chế biến tôm đông lạnh xuất khẩu. Nay công ty đang hoạt động theo địa chỉ sau:

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM SAO TA**
- Tên tiếng Anh : **SAO TA FOODS JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **FIMEX VN**
- Biểu tượng công ty:



- Vốn điều lệ: **402.000.000.000 đồng (Bốn trăm lẻ hai tỷ đồng chẵn)**
- Mã chứng khoán: **FMC**
- Trụ sở chính : **Km 2132, Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng.**
- Điện thoại : **(0299)3822223 – 3822201; Fax:(0299)3822122 – 3825665**
- Website: **[www.fimexvn.com](http://www.fimexvn.com); Email: [fimexvn@vnn.vn](mailto:fimexvn@vnn.vn)**
- Giấy CNĐKKD: Số 2200208753 (Số cũ 5903000012 đăng ký lần đầu 19/12/2002, số mới 2200208753 đăng ký thay đổi lần thứ 20 ngày 24/07/2018 do Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp).

### **2. Quá trình hình thành và phát triển:**

✓ Chuyển đổi sở hữu thành công ty cổ phần:

❖ Năm 2002

Ngày 09/10/2002, Ủy ban nhân dân Tỉnh Sóc Trăng có quyết định số 346/QĐ.TCCB.02 về việc phê duyệt phương án và chuyển Công ty thực phẩm XNK tổng hợp Sóc Trăng từ loại hình doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần.

18753  
C TY  
H AN  
PH AM  
TA  
T. S OC

❖ Năm 2003

Ngày 01/01/2003, Công ty chính thức chuyển thành Công ty cổ phần với tên công ty là: Công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta (Fimex VN), hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 5903000012 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 19/12/2002 với Vốn điều lệ 104 tỷ đồng, trong đó nhà nước giữ 77% sở hữu. Ngày 22 tháng 11 năm 2003 công ty rút vốn điều lệ xuống 60 tỷ, phần vốn nhà nước còn 60%.

❖ Năm 2005

Ngày 09 tháng 08 năm 2005 công ty làm đầu giá 11% vốn điều lệ để giảm phần vốn nhà nước còn 49%.

❖ Năm 2006

22/06/2006 tại trung tâm giao dịch chứng khoán TP.HCM (nay là Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM) công ty tiếp tục đầu giá bán 16 tỉ đồng vốn sở hữu nhà nước. Ngày 7 tháng 12 năm 2006 cổ phiếu công ty được niêm yết lần đầu trên sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM với tên FMC với lượng 6 triệu cổ phiếu, trong đó phần nhà nước chiếm giữ 20%.

❖ Năm 2007

Công ty lại tăng vốn điều lệ từ 60 tỷ đồng lên 79 tỷ đồng thông qua việc thưởng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, thưởng cổ phiếu cho cán bộ chủ chốt của công ty và phát hành riêng lẻ cho nhà đầu tư chiến lược. Ngày 20/07/2007, công ty tiếp tục niêm yết bổ sung số lượng cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu là 900.000 cổ phiếu.

❖ Năm 2008

Ngày 21/05/2008, cổ phiếu FMC chính thức được niêm yết bổ sung thêm cổ phiếu theo công văn chấp thuận số 447/TB-SGDHCM ngày 19/05/2008 của HOSE, nâng tổng số lượng cổ phiếu FMC được niêm yết tại HOSE là 7.900.000 cổ phiếu.

❖ Năm 2009

Để đáp ứng điều kiện vốn điều lệ tối thiểu 80 tỷ đồng đúng theo quy định để cổ phiếu FMC được tiếp tục niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM (HOSE), đến tháng 02/2009 công ty phát hành xong thêm 1 tỷ đồng cổ phiếu nâng vốn điều lệ lên 80 tỷ đồng, trong đó vốn nhà nước chiếm 17,25%. Tháng 05/2009, cổ phiếu FMC chính thức niêm yết bổ sung 100.000 cổ phiếu, nâng tổng số 8.000.000 cổ phiếu được niêm yết tại HOSE, đáp ứng đủ điều kiện vốn



điều lệ 80 tỷ đồng và tiếp tục niêm yết tại HOSE theo quy định của Luật Chứng khoán.

❖ Năm 2013

Thực hiện theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bất thường diễn ra ngày 10/11/2012, thời điểm cuối tháng 03/2013 Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 5.000.000 cổ phiếu cho đối tác chiến lược là Công ty cổ phần Hùng Vương, nâng vốn điều lệ công ty lên 130 tỉ đồng, trong đó vốn nhà nước chiếm 10,62%. Tháng 04/2013, cổ phiếu FMC tiếp tục niêm yết bổ sung 5.000.000 cổ phiếu, nâng tổng số niêm yết lên 13.000.000 cổ phiếu.

❖ Năm 2014

Công ty đã phát hành thành công 7 triệu cổ phiếu, tăng vốn điều lệ công ty từ 130 tỷ lên thành 200 tỷ đồng. Việc phát hành này đã thực hiện xong tại thời điểm 31/12/2014.

❖ Năm 2015

Nhận thấy tình hình nuôi tôm đang phát triển, từ đầu năm 2015, FMC đưa thêm nhà máy chế biến tôm đông lạnh mới xây xong vào hoạt động, tăng công suất chế biến thêm 60%. Tháng 03/2015, công ty đã hoàn thành việc niêm yết và lưu ký bổ sung đối với 7 triệu cổ phiếu vừa phát hành trong năm 2014.

❖ Năm 2016

Thực hiện theo Nghị quyết số 13/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2015, công ty phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu (cổ đông sở hữu 2 cổ phiếu được mua 1 cổ phiếu mới) để tăng vốn điều lệ từ 200 tỷ lên 300 tỷ đồng. Việc phát hành này hoàn thành trong tháng 04/2016. 10 triệu cổ phiếu mới phát hành xong được niêm yết và lưu ký bổ sung trong tháng 5/2016.

❖ Năm 2017

Theo Nghị quyết số 15/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2017, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 9.000.000 cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, nâng vốn Điều lệ từ 300 tỷ lên 390 tỷ đồng.

❖ Năm 2018

Theo Nghị quyết số 16/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018, Công ty đã hoàn thành đợt phát hành 1.200.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2018, nâng vốn Điều lệ từ 390 tỷ lên 402 tỷ đồng.

✓ Tình hình hoạt động:

- Qua thời gian hoạt động từ năm 1996 đến nay công ty làm ăn đều tốt, có lãi. Ngay năm hoạt động thứ 2 công ty đã thu hồi vốn đầu tư ban đầu và đứng vào top 5 doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu tôm lớn nhất nước kéo dài từ 1997 đến nay. Nhiều năm liền công ty dẫn đầu cả nước về lượng tôm tinh chế xuất vào Nhật Bản.
- Về mặt uy tín thương hiệu và hiệu quả sản xuất kinh doanh: công ty nằm trong top dẫn đầu, 8 năm liền 1997-2004 và năm 2006 công ty được Chính phủ tặng thưởng Cờ Thi đua
- FMC có vùng nuôi tôm riêng rộng 160 hecta, đạt chuẩn BAP, ASC tạo thêm an tâm về tôm sạch tới khách hàng.

Với thành tích hơn 20 năm hoạt động hiệu quả cao, công ty đã được Chính phủ 9 lần tặng thưởng cờ thi đua, danh hiệu Anh hùng lao động và Huân chương lao động hạng I, II, III.

✓ Các sự kiện khác:

Trong năm 2011, công ty đã thực hiện đăng ký với Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.HCM về việc bán 777.370 cổ phiếu quỹ để có nguồn phục vụ vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên do giá cổ phiếu FMC trên thị trường chứng khoán không đạt theo yêu cầu mong đợi nên không có giao dịch. Đến năm 2014, công ty mới bán hết lượng cổ phiếu quỹ.

Năm 2017, công ty đã hoàn thành việc xây dựng cơ bản Nhà máy thủy sản Tin An và đang cho tiến hành chạy thử. Kể từ ngày 01/01/2018, Nhà máy này đã chính thức đưa vào hoạt động.

**3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

+ Ngành nghề kinh doanh:

- Chế biến, bảo quản thủy sản và sản phẩm từ thủy sản, nhập khẩu máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ trong ngành chế biến;
- Nuôi trồng thủy sản;
- Mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế;
- Kinh doanh bất động sản;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, ăn uống;
- Gieo trồng, sản xuất, xuất khẩu và tiêu thụ nội địa hàng nông sản;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Cho thuê xe có động cơ.



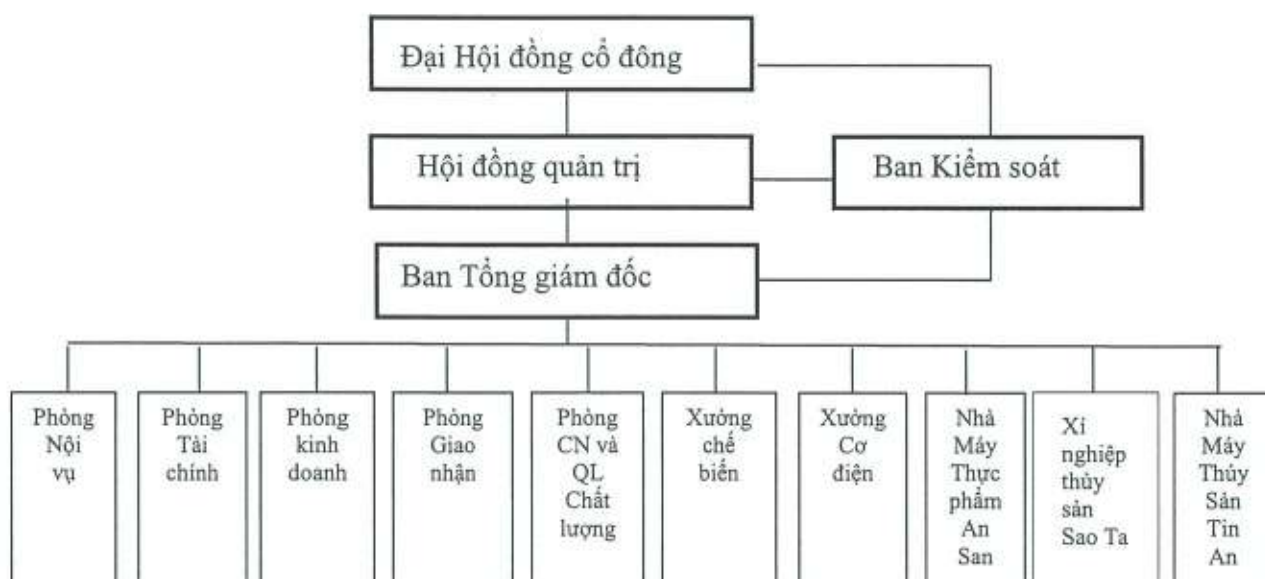
+ Địa bàn kinh doanh:

Hai mảng sản xuất kinh doanh chính của công ty là mặt hàng tôm đông lạnh và nông sản xuất khẩu hoạt động chủ yếu tại địa bàn tỉnh Sóc Trăng bao gồm cả các chi nhánh trực thuộc như sau:

- *Xi nghiệp thủy sản Sao Ta. Địa chỉ: Đường N1, Lô B Khu công nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng*
- *Nhà máy thực phẩm An San. Địa chỉ: Đường N2, Lô B Khu công nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng*
- *Nhà máy thủy sản Tin An. Địa chỉ: Lô N, Khu công nghiệp An Nghiệp, Xã An Hiệp, Huyện Châu Thành, Tỉnh Sóc Trăng*

**4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

**4.1 Mô hình quản trị:**



**4.2 Cơ cấu bộ máy quản lý:**

Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của công ty, quyết định định hướng phát triển ngắn, dài hạn, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm của công ty. Đại hội đồng cổ đông bầu ra Hội đồng quản trị (HĐQT) và Ban Kiểm soát (BKS).

a) *Hội đồng quản trị*

HĐQT gồm có 05 thành viên trong đó 01 Chủ tịch, 01 Phó Chủ tịch và 03 Thành viên. HĐQT là cơ quan quản trị cao nhất của công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.

b) *Ban Kiểm soát*

Là tổ chức thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành công ty. Ban kiểm soát Bao gồm 03 thành viên: 01 Trưởng ban và 02 Thành viên.

c) *Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng*

Ban Tổng giám đốc gồm 05 thành viên (Tổng giám đốc và 04 Phó Tổng giám đốc), 01 kế toán trưởng do HĐQT bổ nhiệm. Tổng Giám đốc công ty là người đại diện pháp nhân của công ty trong mọi giao dịch, quản lý điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT và ĐHĐCĐ về trách nhiệm quản lý điều hành công ty. Các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng công ty là người giúp việc cho Tổng Giám đốc công ty theo sự phân công.

d) *Các phòng ban chức năng và bộ phận trực thuộc*

Các phòng ban chức năng hỗ trợ cho Ban Tổng Giám đốc thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty được vận hành tốt. Công ty gồm có các phòng ban chức năng và bộ phận trực thuộc như sau: Phòng Nội vụ, Phòng Tài chính, Phòng Kinh doanh, Phòng Giao nhận, Phòng Công nghệ và Quản lý chất lượng, Xưởng Cơ điện, Xưởng chế biến, Nhà máy Thực phẩm An Sơn, Xí nghiệp Thủy sản Sao Ta, Nhà máy Thủy sản Tin An.

e) *Công ty con, công ty liên kết:* Không

**5. Định hướng phát triển:**

**+ Các mục tiêu chủ yếu của công ty:**

- *Mục tiêu chiến lược: Góp phần ngày càng đáng kể trong chuỗi giá trị tạo ra nguồn thực phẩm ngon, bổ dưỡng; tác động kích thích các khâu có liên quan như nuôi, gieo trồng, khai thác, bảo quản sau thu hoạch, dịch vụ làm tăng việc làm, tăng của cải xã hội.*



- *Mục tiêu cụ thể: Giữ vững uy tín thương hiệu, chất lượng sản phẩm, mở rộng sản xuất chiều rộng lẫn chiều sâu, chủng loại sản phẩm nhằm đạt mức tăng trưởng 10-20% năm về dài hạn, đứng trong top 5 doanh nghiệp có kim ngạch xuất khẩu nông thủy sản lớn nhất nước.*

**+ Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

- *Đa dạng hóa sản phẩm từ nguyên liệu thủy sản và nông sản trên nền tảng tìm hiểu khả năng cung cầu các mặt hàng cụ thể trên thị trường thế giới kết hợp với thế mạnh về đất đai, lao động của địa phương.*

- *Từng bước mở rộng thị trường tiêu thụ, hết sức chú trọng về chiều sâu, các mặt hàng tinh chế nhằm tăng thế mạnh cạnh tranh, doanh số, lợi nhuận.*

- *Việc tổ chức nuôi, trồng, chế biến có chọn lọc và tổ chức trên nền tảng hạn chế tối đa gây tổn hại môi trường và lợi ích cộng đồng.*

**+ Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng:**

*Đây cũng là mục tiêu chủ yếu, đồng thời là chiến lược phát triển trung và dài hạn như đã nêu trên, góp phần bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng và hợp pháp cho người lao động và các cổ đông.*

**6. Các rủi ro:**

*a) Rủi ro tỉ giá*

Doanh thu tiêu thụ của công ty chủ yếu là xuất khẩu (chiếm trên 95% tổng doanh thu). Đồng tiền sử dụng cho xuất khẩu là Đô la Mỹ. Nếu cặp tỉ giá USD/VND biến động tăng/giảm đều ảnh hưởng đến doanh thu tiêu thụ, ảnh hưởng lợi nhuận của công ty.

*b) Rủi ro lãi suất*

Nguồn tài trợ vốn lưu động của công ty chủ yếu vay ngắn hạn ngân hàng (cơ cấu nợ vay năm 2018 chiếm gần 40% trên tổng tài sản). Khi thị trường tiền tệ biến động, mặt bằng lãi suất vay biến động sẽ tác động đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

*a) Rủi ro luật pháp*

Là doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty cổ phần với lĩnh vực kinh doanh nuôi trồng, thu mua chế biến và xuất khẩu nông thủy hải sản xuất khẩu đông lạnh chịu sự ảnh hưởng bởi Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thủy sản, Luật Thương mại,... và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Hệ thống pháp luật về kinh doanh trong lĩnh vực này hiện nay nhìn chung còn chưa thực sự nhất quán và ổn





định, vẫn đang trong quá trình hoàn thiện, các văn bản hướng dẫn thi hành chưa đầy đủ, thiếu tính cập nhật, chồng chéo, việc áp dụng các văn bản pháp luật vào thực tế còn nhiều bất cập. Ngoài ra với đặc thù là doanh nghiệp xuất khẩu chủ yếu sang các thị trường Nhật Bản, Mỹ, EU và Hàn Quốc, hoạt động kinh doanh của công ty chịu ảnh hưởng của các chính sách, pháp luật và các quy định khác do chính phủ của các quốc gia này ban hành.

*b) Rủi ro đặc thù*

**Rủi ro về thị trường tiêu thụ:** Các thị trường tiêu thụ chính của Công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta là Nhật Bản, Hoa Kỳ và EU - đây là những thị trường khó tính với những quy định, quy chuẩn về chất lượng, vệ sinh, an toàn thực phẩm đòi hỏi Công ty luôn chú trọng đầu tư về công nghệ, dây chuyền cũng như quy trình để có thể sản xuất sản phẩm đáp ứng những tiêu chí trên. Mặc dù, công ty luôn chú trọng các tiêu chuẩn nhưng lại phụ thuộc rất nhiều vào chính sách của bên nhập khẩu, nếu có sự thay đổi từ bên nhập khẩu sẽ khiến cho công ty rơi vào thế bị động, tăng thêm chi phí sửa đổi, thay đổi quy trình.

**Rủi ro cạnh tranh:** Ngành thủy sản ở Việt Nam có hàng trăm doanh nghiệp nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu tuy nhiên việc đầu tư thấp, dàn trải và không đồng bộ, có nhiều công ty nhỏ lẻ bán giá thấp kèm theo chất lượng sản phẩm thấp đã làm cho mặt bằng giá thị trường không ổn định ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của công ty. Ngoài ra, thương lái Trung Quốc luôn cạnh tranh với công ty trong việc thu mua tôm nguyên liệu, khiến giá tôm bị đẩy lên cao cũng ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động kinh doanh của công ty.

**Rủi ro về các yếu tố đầu vào:** Nguồn nguyên liệu chủ yếu của công ty là tôm, do đó các biến động liên quan đến nguyên liệu đầu vào đều ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty như: thời tiết, môi trường nuôi trồng, nguồn nước, chất lượng con giống, công nghệ nuôi, thức ăn, dịch bệnh... Để đảm bảo đủ nguồn nguyên liệu cho sản xuất với chi phí hợp lý, công ty luôn chuẩn bị kế hoạch thu mua tôm nguyên liệu chi tiết, liên kết, phối hợp chặt chẽ với nguồn nuôi để đảm bảo nguồn dự trữ và tồn kho hợp lý, đồng thời tự triển khai phát triển vùng nuôi tôm để chủ động một phần nguồn nguyên liệu cho sản xuất.

*c) Rủi ro biến động giá cổ phiếu*

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh giúp đem lại nguồn vốn để tài trợ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty đồng thời khẳng định uy tín, tăng thanh khoản, công khai minh bạch hơn, góp phần quảng bá thương hiệu của Fimex VN đến với nhà đầu tư sâu và rộng hơn nữa.

002C  
ÔNG  
Ổ P  
ỤC I  
AO  
ING

Tuy nhiên, giá chứng khoán được quyết định bởi nhiều yếu tố không chỉ do việc hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, mà còn bởi các yếu tố như tình hình kinh tế-xã hội-chính trị trong và ngoài nước, cung-cầu cổ phiếu, yếu tố tâm lý nhà đầu tư... Nếu có sự thay đổi của giá cổ phiếu sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến thương hiệu, giá trị và sự tin tưởng của nhà đầu tư vào công ty.

*d) Rủi ro khác*

Những rủi ro về môi trường như thiên tai, lũ lụt, hạn hán, chiến tranh dịch họa,... tuy xác suất xảy ra không lớn nhưng nếu phát sinh sẽ ảnh hưởng nghiêm trọng đến việc hoạt động kinh doanh của công ty và gây tổn thất nghiêm trọng.

**II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:**

**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính : Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% 2018/2017
1	Tổng giá trị tài sản	1.655.908	1.495.244	90,30
2	Doanh thu thuần	3.497.841	3.806.660	108,83
3	Giá vốn hàng bán	3.225.236	3.411.980	105,79
4	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	113.571	193.671	170,53
5	Lợi nhuận khác	(330)	355	
6	Lợi nhuận trước thuế	113.241	194.027	171,34
7	Lợi nhuận sau thuế	111.028	180.496	162,57
8	Tỷ lệ cổ tức	45%	20% (*)	44,44

(Nguồn : Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018)

Ghi chú: (\*) Dự kiến trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.

- Tình hình thực hiện kế hoạch:

Căn cứ điều 3, điều 11 Nghị quyết số 16/NQ\_ĐHĐCĐ ngày 23/03/2018 của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018, Công ty bắt đầu thay đổi năm tài chính bắt đầu 01/01 đến 31/12 của năm thay cho năm tài chính bắt đầu 01/10 của năm này và kết thúc vào ngày 30/09 của năm sau. Năm tài chính 2018 là năm thay đổi đầu tiên nên bao gồm cả quý 4/2017, tròn năm 2018 là 15 tháng, bắt đầu từ 01/10/2017 đến 31/12/2018. Đồng thời đó, kế hoạch năm 2018 cũng bao gồm 15 tháng, bắt đầu từ





01/10/2017 đến 31/12/2018, tương ứng với tình hình thực hiện kế hoạch năm 2018 như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Chi tiêu	Kế hoạch 2018	Thực hiện quý 4/2017	Thực hiện 2018	Thực hiện từ 01/10/2017 đến 31/12/2018	% 2018 Kế hoạch
1	Tổng doanh thu bán hàng	4.350.000	1.077.378	3.813.710	4.891.088	112,44
2	Lợi nhuận trước thuế	140.000	18.848	194.027	212.875	152,05
3	Tỷ lệ cổ tức	20%			20%	100,00

## 2. Tổ chức và nhân sự:

### 2.1. Danh sách Ban điều hành:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Hồ Quốc Lực	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm từ 01/04/2018
2	Dương Ngọc Kim	P.Tổng Giám đốc	
3	Phạm Hoàng Việt	Tổng Giám đốc	Bỏ nhiệm từ 01/04/2018
4	Mã Ích Hưng	P.Tổng Giám đốc	
5	Đình Văn Thới	P.Tổng Giám đốc	
6	Hoàng Thanh Vũ	P.Tổng Giám đốc	
7	Tô Minh Chăng	Kế toán trưởng	



**Tóm tắt lý lịch của Ban điều hành :**  
**Ông Hồ Quốc Lực – Tổng Giám đốc**

Giới tính	Nam
Ngày sinh	07/05/1956
Nơi sinh	tỉnh Sóc Trăng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Điện thoại liên lạc	(0299)3822223
Trình độ học vấn	Tiến sĩ
Trình độ chuyên môn	Kinh tế
Quá trình công tác:	
- Từ 1983–1986	Nhân viên phòng Kế hoạch Công ty Thủy sản XNK Hậu Giang
- Từ 1986–1991	Phó phòng Kế hoạch Xí nghiệp đông lạnh II HậuGiang
- Từ 1991–1992	Trưởng phòng Nghiệp vụ Xí nghiệp đông lạnh II
- Từ 1992–1994	Phó Giám đốc Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp SócTrăng(STAPIMEX)
- Từ 1994–1996	Trưởng ban quản lý xây dựng cơ sở Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEXVN)
- Từ 1996–2003	Giám đốc Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
- Từ 2003–2006	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta, Chủ tịch Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP)
- Từ 2007–10/2009	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Tháng 10/2009–03/2018	Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Tháng 04/2018 đến nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty CP TP Sao Ta
Chức vụ công tác hiện nay	Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	Không có
Số lượng cổ phần biểu quyết	605.000

*Ông Phạm Hoàng Việt – Phó Tổng giám đốc*

Giới tính	Nam
Ngày sinh	25/11/1964
Nơi sinh	tỉnh Hậu Giang
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Điện thoại liên lạc	(0299)3822201/3822223
Trình độ học vấn	Đại học
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
- Từ 1986–1992	Nhân viên phòng Kinh doanh – Đại lý Yamaha
- Từ 1992–1996	Sinh viên trường Đại học Quản trị kinh doanh
- Từ 1996–04/1997	Nhân viên Phòng XNK - Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEXVN)
- Từ 04/1997–2002	Trưởng phòng Thương mại Công ty Thực phẩm XNK TH Sóc Trăng
- Từ 2003–2004	Trợ lý Tổng Giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 01/2005–08/2005	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Trợ lý Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 04/2018 đến nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	Không có
Số lượng cổ phần biểu quyết	188.937



*Bà Dương Ngọc Kim – Phó Tổng giám đốc*

Giới tính	Nữ
Ngày sinh	18/08/1958
Nơi sinh	tỉnh Sóc Trăng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Điện thoại liên lạc	(0299)3822203
Trình độ học vấn	Đại học
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật, cử nhân Quản trị kinh doanh
Quá trình công tác:	
- Từ 1978–1986	Trưởng ca sản xuất tại Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng (STAPIMEX)
- Từ 1987–1992	Trưởng ca sản xuất tại Xí nghiệp Đông lạnh Cần Thơ (Cafatex)
- Từ 1992–1995	Phó Quản đốc Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng
- Từ 1996–1997	Quản đốc Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEXVN)
- Từ 1997–2003	Phó Giám đốc Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
- Từ 04/2007–10/2009	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 10/2009–16/04/2010	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Chức vụ công tác hiện nay	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Hành vi vi phạm pháp luật:	Không có
Quyền lợi mâu thuẫn với công ty	Không có
Số lượng cổ phần biểu quyết	178.362

*Ông Mã Ích Hưng – Phó Tổng giám đốc*

Giới tính	Nam
Ngày sinh	11/02/1970
Nơi sinh	phường 6, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Hoa
Điện thoại liên lạc	(0299)3822223
Trình độ học vấn	Đại học
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế
Quá trình công tác:	
- Từ 02/1992–01/1996	Công nhân Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng (STAPIMEX)
- Từ 02/1996–07/1997	Công nhân Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEX VN)
- Từ 08/1998–12/2002	Quản đốc Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
- Từ 01/2003–12/2004	Quản đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 01/2005–05/2006	Thành viên Ban kiểm soát, Quản đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 06/2006–30/11/2008	Thành viên Ban kiểm soát, Trợ lý Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 12/2008 –06/2009	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 24/07/2009–16/04/2010	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 16/04/2010–31/07/2010	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Số lượng cổ phần biểu quyết	112.372

*Ông Đinh Văn Thới – Phó Tổng Giám đốc*

Giới tính	Nam
Ngày sinh	02/10/1962
Nơi sinh	huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Điện thoại liên lạc	(0299)3822223
Trình độ học vấn	Thạc sĩ
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư cơ khí chế tạo máy
Quá trình công tác:	
Từ 1981–1986	Sinh viên trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật thành phố Hồ Chí Minh
Từ 1987–1990	Cán bộ kỹ thuật Xưởng cơ khí Nông nghiệp I Hậu Giang, Phó quản đốc phân xưởng cơ khí XI nghiệp cơ khí Sóc Trăng
Từ 1990-1992	Học ngành máy lạnh tại Trung tâm nghiên cứu thiết bị nhiệt và năng lượng mới – Đại học Bách khoa thành phố Hồ Chí Minh
Từ 1996-12/2002	Phó Quản đốc Xưởng Cơ điện Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng (FIMEX VN)
Từ 01/2003-12/2004	Thành viên Ban Kiểm soát, Phó Quản đốc Xưởng Cơ điện Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Từ 2005–30/11/2008	Thành viên Ban Kiểm soát, Quản đốc Xưởng Cơ điện Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Từ 01/12/2008–31/03/2010	Phó Giám đốc Nhà máy nông sản An San
Từ 01/04/2010–16/04/2010	Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Từ 16/04/2010–26/04/2013	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Chức vụ công tác hiện nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Số lượng cổ phần biểu quyết	111.787





*Ông Hoàng Thanh Vũ – Phó Tổng giám đốc*

Giới tính	Nam
Ngày sinh	26/02/1978
Nơi sinh	Mỏ Cây, Bến Tre
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Điện thoại liên lạc	(0299) 3822 223
Trình độ học vấn	Đại học
Trình độ chuyên môn	Kỹ sư chế biến thủy sản
Quá trình công tác:	
- Từ 05/2000–04/2001	Công nhân Công ty TNHH Kim Anh, tỉnh Sóc Trăng
- Từ 05/2001–06/2002	Công nhân Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
- Từ 06/2002–12/2002	Phó phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty Thực phẩm XNK Tổng hợp Sóc Trăng
- Từ 01/2003–02/2005	Phó phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 03/2005–04/2010	Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 04/2010–04/2013	Trưởng phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 04/2013–04/2015	Thành viên Ban kiểm soát, Trưởng phòng Quản lý Chất lượng và Công nghệ Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
- Từ 04/2015–nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Chức vụ công tác hiện nay	Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Số lượng cổ phần biểu quyết	45.005

2020  
ON  
CỔ P  
ỤC  
SAO  
TÀ

*Ông Tô Minh Chăng – Kế toán trưởng*

Giới tính	Nam
Ngày sinh	12/06/1970
Nơi sinh	xã Hòa Đông, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
Quốc tịch	Việt Nam
Dân tộc	Kinh
Điện thoại liên lạc	(0299)3822223
Trình độ học vấn	Đại học
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kế toán
Quá trình công tác:	
Từ 02/1994–09/1997	Nhân viên kế toán Công ty Thủy sản XNK Tổng hợp Sóc Trăng (STAPIMEX)
Từ 01/2003–05/2003	Nhân viên kế toán, thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Từ 06/2003–12/2004	Nhân viên kế toán, thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Từ 01/2005–31/07/2006	Kế toán tổng hợp, Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Từ 01/08/2006–17/08/2006	Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Từ 18/08/2006–nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Chức vụ công tác hiện nay	Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta
Hành vi vi phạm pháp luật	Không có
Số lượng cổ phần biểu quyết	109.420



## 2.2. Những thay đổi trong Ban điều hành:

Ông Phạm Hoàng Việt được Hội đồng quản trị bổ nhiệm chức vụ Tổng giám đốc điều hành kể từ 01/04/2018, thay cho ông Hồ Quốc Lực.

## 2.3. Số lượng cán bộ, công nhân viên: Tại ngày 31/12/2018

Tổng số người lao động: 3.188 người

STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
<b>I</b>	<b>Theo trình độ lao động</b>	<b>3.188</b>	<b>100%</b>
1	Trình độ trên Đại học	6	0,19%
2	Trình độ Đại học & Cao đẳng	315	9,88%
3	Trình độ Trung cấp	181	5,68%
4	Công nhân kỹ thuật	120	3,76%
5	Lao động phổ thông	2.566	80,49%
<b>II</b>	<b>Theo loại hợp đồng lao động</b>	<b>3.188</b>	<b>100%</b>
1	Hợp đồng không thời hạn	1.487	46,64%
2	Hợp đồng thời vụ (dưới 1 năm)		
3	Hợp đồng xác định từ 1 - 3 năm	1.701	53,36%
<b>III</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>3.188</b>	<b>100%</b>
1	Nam	1.109	34,79%
2	Nữ	2.079	65,21%

## Chế độ làm việc

Công ty thực hiện chế độ làm việc 6 ngày/tuần và 8 giờ/ngày. Tuy nhiên, tùy theo điều kiện công việc đòi hỏi mà các đội có thể thay đổi thời giờ làm việc trong ngày cho phù hợp hoặc làm thêm giờ nhưng phải bảo đảm số giờ tiêu chuẩn của ngày làm việc do công ty quy định.

Nhân viên làm việc đủ 12 tháng sẽ được nghỉ phép 12, 14 hoặc 16 ngày/năm tùy theo điều kiện làm việc. Nếu chưa đủ 12 tháng thì số ngày nghỉ phép hàng năm được tính tương ứng với số tháng làm việc trong năm. Công ty sẽ tăng số ngày nghỉ phép dựa trên thời gian làm việc của nhân viên, cứ mỗi 5 năm làm việc sẽ được nghỉ thêm 1 ngày.



Ngoài ra, hàng năm, tất cả nhân viên của công ty đều được nghỉ lễ 8 ngày/năm. Nếu những ngày này trùng với những ngày nghỉ khác, thì nhân viên được nghỉ bù vào ngày tiếp theo.

### **Chính sách tuyển dụng, đào tạo**

Tuyển dụng nhân sự mới theo quy trình được thiết lập để đảm bảo nhân viên mới có đủ trình độ, kỹ năng, kinh nghiệm cho vị trí cần tuyển dụng và có tư cách đạo đức tốt, có nguyện vọng gắn bó lâu dài với công ty. Trong dài hạn, công ty ưu tiên nguồn nhân lực ở địa phương vì có tính ổn định và chất lượng khá cao.

Công ty đảm bảo toàn bộ nhân viên được đào tạo để có đủ năng lực chuyên môn, thực hiện tốt công việc được giao. Việc đào tạo và huấn luyện các kỹ năng, chuyên môn cần thiết được thực hiện tại công ty hoặc đào tạo các khóa học bên ngoài theo kế hoạch đào tạo của công ty được lập từ đầu năm.

Bên cạnh đó, công ty cũng thường xuyên tổ chức các chương trình đào tạo như: phổ biến nội quy quy định của công ty, đào tạo tay nghề, đào tạo nội dung các hệ thống quản lý chất lượng như: HACCP, OHSAS 18001, ISO 9001-2008, ISO 14001-2004...

Ngoài ra, công ty còn thuê các chuyên gia đến công ty trực tiếp đào tạo, hay gọi công nhân đi tham dự các khóa học chuyên ngành...

Để thực hiện tốt công tác đào tạo, công ty và người lao động thỏa thuận cam kết về nghĩa vụ và quyền lợi của hai bên trong quá trình học tập, khả năng công tác và thời gian phục vụ công ty sau khi học tập.

### **Lương, thưởng, trợ cấp**

Để tạo sự công bằng, hiện nay công ty trả lương theo sản phẩm làm ra, không người lao động nào có thể dựa dẫm hoặc ăn theo người khác, từ đó tạo “đòn bẩy” về mặt kinh tế thúc đẩy sự hăng say trong công việc của mọi người lao động. Mức thu nhập bình quân của người lao động trong công ty qua các năm được cải thiện đáng kể.

Hàng năm, công ty dùng một khoản tiền được trích từ lợi nhuận theo quy định để khen thưởng cho cán bộ công nhân viên của công ty. Chính sách khen thưởng của công ty là theo bình bầu xếp loại A, B, C hoặc theo mức lương trung bình năm.

### 3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:

#### 3.1. Các khoản đầu tư lớn:

Công ty đã tiến hành cải tạo mới và tiến hành thả nuôi thêm cho hết quỹ đất hiện có 160 héc ta, làm tăng số ao nuôi từ 160 ao lên gần 250 ao.

#### 3.2. Các công ty con, công ty liên kết: Không có

### 4. Tình hình tài chính:

4.1. Tình hình tài chính: Đã được nêu tại Mục II, Khoản 1 trong báo cáo này.

#### 4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2017	Năm 2018
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,25	1,49
+ Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,56	0,44
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ / Tổng tài sản	%	0,65	0,54
+ Hệ số Nợ / Vốn chủ sở hữu	%	1,89	1,17
<b>2. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Lần	5,28	4,32
+ Doanh thu thuần / Tổng tài sản	Lần	2,11	2,55
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3,17	4,74
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu	%	19,38	26,20
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	6,70	12,07
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3,25	5,09
<b>5. Chỉ tiêu liên quan đến cổ phần</b>			
+ Thu nhập trên cổ phần (EPS)	Đồng	2.832	3.888

(Nguồn : Báo cáo Tài chính kiểm toán 2018)



## 5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu đến 06/03/2019:

### 5.1. Cổ phần:

Tổng số cổ phần đang lưu hành là: 40.200.000 cổ phần. Trong đó:

- Số lượng cổ phần được chuyển nhượng tự do: 39.000.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng : 1.200.000 cổ phần.

### 5.2. Cơ cấu cổ đông:

Cổ đông	Số lượng (người)	Số lượng cổ phiếu	Số tiền theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông Nhà nước	1	1.380.000	13.800.000.000	3,43
2. Cổ đông là pháp nhân	49	28.729.815	287.298.150.000	71,47
3. Cổ đông là cá nhân	1.793	10.090.185	100.901.850.000	25,10
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.843</b>	<b>40.200.000</b>	<b>402.000.000.000</b>	<b>100.00</b>

Trong đó:

Cổ đông	Số lượng (người)	Số lượng cổ phiếu	Số tiền theo mệnh giá (đồng)	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông lớn	2	25.645.730	256.457.300.000	63,80
- Pháp nhân	2	25.645.730	256.457.300.000	63,80
- Cá nhân	0	0	0	0
2. Cổ đông nước ngoài	128	2.678.966	26.789.660.000	6,66
- Pháp nhân	24	2.423.719	24.237.190.000	6,03
- Cá nhân	104	255.247	2.552.470.000	0,63

(Nguồn: Theo danh sách Trung tâm lưu ký chốt đến ngày 06/03/2019)



**5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của vốn chủ sở hữu:** Không có.

**5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ:** không có

**5.5. Các chứng khoán khác:** không có

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:**

• **Chính sách liên quan đến môi trường, xã hội:**

Bên cạnh việc đóng góp tích cực về mặt kinh tế, tạo ra giá trị cho xã hội, công ăn việc làm cho người dân, công ty luôn quan tâm đến vấn đề bảo vệ môi trường, nguồn tài nguyên thiên nhiên, khí hậu,... xung quanh công ty và trong khu vực. Bởi lẽ, môi trường là nơi để mọi cá thể sinh sống, làm việc; việc tác động xấu đến môi trường sẽ gây ra nhiều rủi ro cho công việc sản xuất kinh doanh của những cá thể trong đó. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhận thức về môi trường ngày càng phát triển, các đối tác và người tiêu dùng bắt đầu quan tâm nhiều hơn tới các sản phẩm xanh, thân thiện với môi trường. Đặc biệt, các đối tác và khách hàng lớn của bản thân công ty là các nước phát triển như Nhật Bản, Hoa Kỳ, EU... đều đòi hỏi những sản phẩm thật sự chất lượng, đúng quy cách, nghiêm ngặt từ khâu nuôi trồng, chế biến đến xuất khẩu.

Các hoạt động gây ô nhiễm môi trường, cạn kiệt tài nguyên của các doanh nghiệp cũng đang dần bị người tiêu dùng lên án. Mặt khác, biến đổi khí hậu ngày càng diễn biến phức tạp dẫn đến giá tài nguyên tăng cao, hiệu quả công việc thấp hơn trong những khu vực bị ô nhiễm đã và đang ảnh hưởng sát sườn đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Do vậy, để tồn tại và phát triển bền vững, các doanh nghiệp buộc phải quan tâm tới các khía cạnh môi trường, hiệu quả sinh thái và năng lượng của từng hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Ý thức được những vấn đề như trên, FMC có những biện pháp để bảo vệ môi trường, hướng đến một doanh nghiệp chất lượng, vừa là một phương pháp giữ vững hình ảnh thương hiệu FMC trong mắt khách hàng nội địa đến những đối tác nước ngoài:

- Áp dụng chuẩn ISO 14000 và chuẩn thực hiện nông nghiệp tốt - hệ thống chuẩn nâng cao chất lượng an toàn thực phẩm, ít tác hại vào môi trường và an toàn cho lao động trong quá trình sản xuất, thu hoạch, chế biến nông phẩm; tạo ra được các sản phẩm có sức cạnh tranh tốt vào thị trường thế giới, nhất là ở các thị trường có tiêu chuẩn cao như Nhật, Mỹ và EU.



- Chính sách dùng vật liệu tái tạo được khuyến khích trong toàn bộ nhân viên. Sử dụng những vật liệu tái chế vừa có lợi cho môi trường, xã hội mà còn có lợi cho công ty như giảm giá vốn, hạn chế chi phí xử lý, đầu tư hệ thống xử lý rác thải.
- Chủ động tìm nguồn nguyên liệu sạch: Công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta hoạt động trong ngành nghề thực phẩm; do đó, vấn đề nguyên liệu đầu vào phải sạch là một vấn đề thách thức với doanh nghiệp nhưng cũng là một cơ hội để doanh nghiệp xây dựng hình ảnh sản phẩm xanh, sản phẩm sạch trong mắt người tiêu dùng. FMC có một quy trình khép kín từ khâu nuôi trồng đến chế biến và đưa ra thị trường. Hệ thống dây chuyền sản xuất được đầu tư hiện đại, đủ khả năng tạo ra những thành phẩm tươi ngon, bảo đảm quy cách. Việc nuôi trồng thủy sản, nông sản cũng được chú trọng; luôn có những chuyên viên với trình độ chuyên môn cao đánh giá các sản phẩm theo những quy chuẩn quốc tế, hướng đến an toàn vệ sinh thực phẩm và bảo đảm sức khỏe người tiêu dùng.
- Đầu tư máy móc hiện đại không những đảm bảo năng suất, đáp ứng khối lượng hàng hóa xuất ra thị trường, mà còn là một biện pháp tiết kiệm những chi phí cố định như tiết kiệm điện, nước, chi phí sửa chữa,... giảm phát thải ra môi trường, tiêu tốn nhiên liệu.

- **Chính sách liên quan đến người lao động**

Công ty còn tổ chức cho đại đa số cán bộ công nhân viên đi tham quan và nghỉ mát sau một năm làm việc vất vả. Một số cá nhân xuất sắc được công ty đề nghị Ủy ban Nhân dân tỉnh Sóc Trăng, Liên đoàn Lao động tỉnh Sóc Trăng cấp bằng khen, giấy khen...

Công ty thực hiện chính sách đối với người lao động theo quy định của Luật Lao động, ký kết hợp đồng lao động cho toàn thể cán bộ công nhân viên, mua bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế. Người lao động của công ty được hưởng đầy đủ các quyền lợi, được quy định trong thỏa ước lao động tập thể, được cơ quan chức năng thừa nhận.

Ngoài việc thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội cho người lao động theo Bộ luật lao động, nội quy lao động và thỏa ước lao động tập thể, công ty cũng luôn quan tâm đến đời sống và cải thiện điều kiện cho cán bộ công nhân viên, cụ thể:

Xây dựng được 40 phòng ở trong khuôn viên của công ty, trang bị đầy đủ vật dụng cần thiết phục vụ cho việc ăn, ở nhằm thu hút lực lượng lao động có tay nghề



từ các nơi đến làm việc, đồng thời cũng là tạo tư tưởng an tâm trong công tác cho cán bộ công nhân viên từ xa đến công ty làm việc.

Công ty đã xây dựng được 06 căn tin phục vụ cho cán bộ công nhân viên xuyên suốt từ 5 giờ sáng đến 12 giờ khuya (ca 3) và khu chợ phục vụ cho nhu cầu ăn uống, mua sắm đa dạng của cán bộ công nhân viên (do công ty nằm ở khu vực xa chợ).

Công ty đã xây dựng phòng đọc sách, phòng karaoke, lắp đặt trò chơi điện tử, xây dựng 02 sân cầu lông, 01 sân bóng đá mini, 03 bàn bóng bàn nhằm tạo dựng không khí vui chơi, giải trí lành mạnh sau giờ làm việc, sản xuất.

### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

##### 1.1 *Đánh giá hình hoạt động 2018:*

Hoạt động năm tài chính 2018 là một thành công lớn, lớn nhất trong lịch sử hoạt động của FMC. Thành quả này có được trước tiên là tầm nhìn chiều sâu của lãnh đạo, có sự chuẩn bị dài hạn và khá đồng bộ. Đó là đầu tư chiến lược ở chất lượng sản phẩm, tạo nền xây dựng uy tín thương hiệu vững chắc ở tất cả thị trường đã thâm nhập; ở sự thận trọng và quyết đoán trong xây dựng chương trình nuôi tôm và sự bền bỉ theo đuổi phát triển nông sản. Thành quả này cũng là công lao chung của hơn ba ngàn lao động thường xuyên và hơn một ngàn lao động công nhật đã chăm chỉ, chịu khó vất vả cả năm. Thành quả này có sự góp sức của cổ đông chiến lược trong việc đưa ra những nét định hướng then chốt và ủng hộ, động viên kịp thời ở những bước ngoặt lớn. Từ thành quả này rút ra những bài học kinh nghiệm, đó là:

- Phải xây dựng được chương trình dài hạn, có định hướng rõ ràng trong hoạt động, làm kim chỉ nam để không lạc hướng lúc khó khăn.
- Phải nỗ lực đồng bộ trong hoạt động để tăng sự thuyết phục khách hàng cũng như nâng cao hiệu quả trong hoạt động chung. Dẫn chứng là chế biến tôm đi liền hoạt động nuôi tôm để tăng tỉ lệ nguyên liệu chủ động và thuận tiện truy suất nguồn gốc.
- Phải có chính sách thiết thực nhằm động viên, thu hút người lao động. Chính sách đó phải gắn liền quyền lợi, an toàn, sức khỏe, phúc lợi người lao động.

##### 1.2 *Kết quả hoạt động năm tài chính 2018:*

Như đã nêu tại Khoản 1, Mục II trong báo cáo này, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh từ 01/10/2017 đến 31/12/2018 so với kế hoạch như sau:



TT	DANH MỤC	ĐVT	TH 2017 (từ 01/10/2016 đến 30/09/2017)	Thực hiện Quý 4/2017	Thực hiện 2018 (từ 01/01/2018 đến 31/12/2018)	Thực hiện 2018 (từ 01/10/2017 đến 31/12/2018)	Kế hoạch 2018 (Từ 01/10/2017 đến 31/12/2018)	Thực hiện so kế hoạch 2018
01	Tôm thành phẩm	Tấn	15.573	4.326	18.011	22.337	19.000	117,56
02	Tôm tiêu thụ	Tấn	12.497	4.001	14.175	18.176		
03	Nông sản TP	Tấn	1.414	278	1.318	1.596	1.800	88,67
04	Nông sản tiêu thụ	Tấn	1.305	260	1.378	1.638		
05	Doanh số tiêu thụ	Triệu\$	143,84	47,48	163,63	211,11	190	111,11
06	Lợi nhuận tr/thuế	Tỷ Đ	124,89	18,85	194,03	212,88	140	152,06
07	Nộp thuế	Tỷ Đ	2,57	1,22	13,53	14,75		
08	Vòng quay vốn LD	Vòng	2,49	0,79	3,01	3,80		

Nguyên nhân chính của việc hoàn thành vượt mức kế hoạch nêu trên được trình bày tại khoản 1.4, mục IV trong phần báo cáo của Hội đồng quản trị của báo cáo này.

## 2. Tình hình tài chính:

### 2.1. Tình hình tài sản:

Tình hình tài sản trong năm biến động như sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	2017	2018	Chênh lệch
01	<i>Tài sản ngắn hạn</i>	1.347.924	1.187.087	(160.837)
	Trong đó:			
	- Tiền và các khoản tương đương tiền	165.795	26.594	(139.201)
	- Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	5.100	5.100
	- Các khoản phải thu ngắn hạn	409.639	288.856	(120.783)
	- Hàng tồn kho	744.133	837.299	93.166
	- Tài sản ngắn hạn khác	28.357	29.238	881
02	<i>Tài sản dài hạn</i>	307.984	308.157	173
	Trong đó:			
	- Phải thu dài hạn	0		
	- Tài sản cố định	276.985	276.025	(960)
	- Tài sản dở dang dài hạn	3.097	12.640	9.543
	- Tài sản dài hạn khác	27.902	19.492	(8.410)
	<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.655.908</b>	<b>1.495.244</b>	<b>(160.664)</b>

Tổng tài sản giảm so với đầu năm chủ yếu do ở thời điểm cuối năm công ty giảm lượng tiền gửi có kỳ hạn, tăng thu tiền bán hàng nhằm tăng cường trả nợ vay.

## 2.2. Tình hình nợ phải trả:

Tình hình nợ phải trả của công ty chủ yếu là các khoản nợ vay ngắn hạn ngân hàng. Khoản nợ này so với đầu năm chỉ giảm 383.207 triệu đồng. Nguyên nhân tồn kho tăng và dư nợ tiền gửi giảm như đã nêu tại 2.1 mục III báo cáo này.

Việc vay nợ từ các ngân hàng chủ yếu tài trợ cho nhu cầu vốn lưu động phục vụ xuyên suốt cho quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Với tình hình diễn biến cặp tỉ giá USD/VND hàng ngày, công ty lựa chọn phương án vay USD hay vay VND sao cho chi phí đi vay thấp nhất.

### • Về rủi ro tỉ giá :

Chỉ tiêu (tại ngày 31/12/2018)	Tiền gốc ngoại tệ			Trương đương VND (triệu đồng)		
	USD	JPY	EUR	USD	JPY	EUR
<b>Tài sản tài chính</b>						
Tiền và tương đương tiền	167.716,64	35.214,00	199,90	3.883	7	5
Phải thu	12.969.783,01			300.315		
<i>Tổng cộng</i>	<i>13.137.499,65</i>	<i>35.214,00</i>	<i>199,90</i>	<i>304.198</i>	<i>7</i>	<i>5</i>
<b>Nợ tài chính</b>						
Các khoản vay	25.523.100,00			593.284		
Các khoản phải trả khác	2.483.325,89	6.679.580,00		57.725	1.417	
<i>Tổng cộng</i>	<i>28.006.425,89</i>	<i>6.679.580,00</i>		<i>651.009</i>		
<b>Mức độ rủi ro tiền tệ</b>	<b>(14.868.926,24)</b>	<b>(6.644.366,00)</b>	<b>199,90</b>	<b>(346.811)</b>	<b>(1.410)</b>	<b>5</b>

Về khả năng thanh toán nợ phải trả: công ty luôn đảm bảo thanh toán các khoản nợ phải trả vì hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn luôn lớn hơn 1.

## 3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:

Luôn có sự điều chỉnh kịp thời chiến lược kinh doanh và hệ thống giải pháp tương ứng nhất là trong bối cảnh môi trường kinh doanh đầy biến động, coi chiến lược kinh doanh là đòn bẩy, nền tảng xây dựng chiến lược các mặt hoạt động khác.

## 4. Kế hoạch phát triển tương lai:

### 4.1. Kế hoạch dự kiến năm 2019:

- **Đánh giá tình hình 2019:**
  - Xu thế người tiêu dùng đòi hỏi thực phẩm an toàn và tiện lợi ngày càng cao. Dẫn đến phải chủ động nguồn nguyên liệu sạch và có tầm nhìn tính toán trong chiến lược sản phẩm.
  - Diễn biến chiến tranh thương mại thế giới hết sức phức tạp, cơ hội và thách thức đan xen! Hoa Kỳ trở thành thị trường hấp dẫn cho tôm bao bột nếu chiến tranh thương mại giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc kéo dài.
  - Các nhà máy chế biến sắp hình thành đều có quy mô lớn như nhà máy C.P trong KCN Trần Đề, Sóc Trăng; Kim Anh trong KCN An Nghiệp, Sóc Trăng;



Việt Úc ở Bạc Liêu và một số nhà máy khác như nhà máy mới của Stapimex ở KCN Sóc Trăng ... tạo nên sự cạnh tranh khá gay gắt trong phạm vi hẹp về nguồn nguyên liệu, lao động...

- Nhân lực quản trị và lao động luôn ở trạng thái thiếu so nhu cầu. Phải có tầm nhìn xây dựng chính sách thu hút và giữ chân, nhất là quản trị viên tốt, lao động tay nghề giỏi.
- Tình hình nuôi tôm trên thế giới sẽ trong xu thế tích cực, nguồn cung tốt. Điều này dẫn đến nên tập trung bán hàng vào hệ thống cấp cao mới duy trì được giá tốt. Tuy nhiên, dịch bệnh, thiên tai là bất khả kháng trong nuôi tôm nên phải luôn chú trọng tình hình cung cầu bình diện thế giới để xây dựng chính sách bán hàng trong ngắn hạn.

- **Một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2019:**

- Sản lượng tôm chế biến: 18.500 tấn, tăng 3% so năm trước.
- Sản lượng tôm tiêu thụ: 16.000 tấn tăng 11% so năm trước.
- Sản lượng nông sản chế biến: 1.400 tấn, tăng 6% so năm trước.
- Sản lượng nông sản tiêu thụ: 1.400 tấn
- Doanh số tiêu thụ chung: 185 triệu USD, tăng 13% so năm trước.
- Lợi nhuận trước thuế: 180 tỷ đồng.
- Lao động và thu nhập: Tăng khoảng 5%.
- Cổ tức trả bằng tiền mặt : 20%/mệnh giá cổ phiếu (2.000 đ/CP).

## 4.2. Giải pháp:

### 4.2.1 Thị trường:

Khả năng trong năm 2019 EVFTA được ký kết, như vậy lợi thế về thuế tôm Việt rất lớn; dẫn đến EU trở thành thị trường thuận lợi nhất, thị trường hàng đầu của Sao Ta. Bên cạnh đó chiến tranh thương mại Hoa Kỳ và Trung Quốc dẫn đến thuế tôm bột từ Trung Quốc bán vào Hoa Kỳ tăng cao, dẫn đến lợi thuế tôm bột Việt thâm nhập vào Hoa Kỳ vì tôm bột Việt không có thuế. Nhật Bản là thị trường thứ ba thế giới và của tôm Việt. Đặc điểm của thị trường này là sản phẩm đòi hỏi tính tỉ mỉ và kiểu dáng bên ngoài và đây là thế mạnh của Sao Ta. Ngoài ra những thị trường có sức thu hút không nhỏ như Canada, Hàn Quốc, Úc cũng sẽ chiếm thị phần 5 -10% của Sao Ta cho mỗi nước. Trung Quốc cũng là một thị trường đầy tiềm năng nhưng phải chờ đợi có sự cải thiện về phương thức thanh toán.

### 4.2.2 Sản phẩm:

Xác định hàng giá trị gia tăng là xu thế tất yếu, cho nên sản phẩm chính của Sao Ta trong sắp tới sẽ có sự thay đổi về cơ cấu. Tôm bao bột sẽ có tốc độ tăng nhanh nhất (bán vào Nhật Bản và Hoa Kỳ), tôm luộc sẽ tăng (bán vào các hệ thống phân phối cao cấp). Các sản phẩm khác là tôm chiên, tôm tươi IQF. Về nông sản chủ yếu là các dạng vegetable mix, kakiage bên cạnh cà tím, khoai lang, đậu bắp ở nhiều



dạng chế biến như hấp, chiên, nướng... Đặc biệt sẽ cố gắng triển khai mặt hàng khoai mỡ trắng.

#### 4.2.3 Khách hàng:

Tới thời điểm này hệ thống khách hàng của Sao Ta đã có sự chọn lọc tốt, chủ yếu là các hệ thống phân phối lớn, đẳng cấp từ khá tới cao cấp. Hướng sắp tới chỉ chủ yếu tập trung mảng phân phối cao cấp.

#### 4.2.4 Củng cố, phát triển uy tín thương hiệu:

#### 4.2.5 Chủ động nguyên liệu sạch:

Sẽ tăng quỹ đất tự nuôi tôm lên khoảng 200 hecta thông qua tìm dự án nuôi tôm của tỉnh, nhằm tăng tỉ lệ nguyên liệu chủ động và sạch.

#### 4.2.6 Cơ sở vật chất:

- Trong năm 2019 hoàn thiện kho lạnh 5.000 tấn.
- Chuyển Nhà máy Tin An chế biến tôm bột, công suất 4.000 - 5.000 tấn/năm. Tin An còn khoảng 1 hecta trống dự phòng cho mở rộng quy mô những năm về sau.

- Khuôn viên Nhà máy An San còn 1 hecta đất trống (sau khi hoàn thiện kho 5.000 tấn) sẽ dự phòng xây dựng xưởng chiên để chế biến tempura, fritter, kakiage vì xưởng chiên hiện tại đã hết công suất và không còn quỹ đất mở rộng. Mặt khác khu chiên kakiage đang có của Nhà máy An San cũng quá nhỏ, muốn tăng sản lượng cần xưởng lớn hơn.

#### 4.2.7 Giải pháp tăng năng suất chế biến trên nền tảng cơ khí và tự động hóa:

Trang bị các thiết bị hỗ trợ ở tất cả các khâu có thể như robo cung tôm trên máy phân cỡ hiện có; thiết bị ép tôm đuôi; thiết bị bao bột tôm; máy chiên dây chuyền; thiết bị cấp đông thể hệ mới...

#### 4.2.8 Giải pháp thu hút lao động:

- Luôn cải tiến dây chuyền chế biến nhằm tăng năng suất tăng thu nhập, đồng thời giúp cải thiện dần thời gian làm việc không còn kéo dài. Đây là yếu tố quan trọng để thu hút thêm lao động mới.

- Sắp xếp lao động hợp lý giữa các khâu; tổ chức huấn luyện lao động mới và luôn tìm mọi cách tránh lãng phí lao động.

- Xây dựng mức thù lao dựa trên công việc, hiệu quả của từng người, không quá nặng coi trọng thâm niên nhằm khuyến khích lực lượng trẻ tích cực đóng góp và gắn bó với công việc.

#### 4.2.9 Phối hợp tốt và nâng cao tinh thần tiết kiệm mọi mặt:

Tinh thần là mọi bộ phận tập trung phục vụ chế biến; nhất là cơ điện luôn chuẩn bị đủ nguồn lực để kịp thời xử lý các tình huống theo yêu cầu của các xưởng chế biến nhằm giảm thiểu lãng phí, ngừng sản xuất... Song song nêu cao tinh thần tiết kiệm mọi mặt nhất là nguyên liệu, năng lượng...; sử dụng thiết bị, vật tư kỹ lưỡng tránh hư hỏng và tận dụng các vật tư có sẵn hạn chế lãng phí.



**4.2.10 Giải pháp thu hút, giữ chân quản trị viên tốt:**

Nâng lương định kỳ; khoán việc ở những khâu có thể; hàng năm thực hiện Esop khoảng 2% vốn điều lệ. Khuyến khích các cấp quản trị luôn duy trì và phát triển các hoạt động tập thể kết nối tinh thần đồng đội, có ý niệm tự hoàn thiện mình về chuyên môn, kinh nghiệm thông qua học hỏi lẫn nhau, tham gia các khóa học bồi dưỡng chuyên ngành.

**4.2.11 Giải pháp vốn:**

Nhu cầu vốn trong giai đoạn tới khá cao, từ 200- 300 tỷ đồng, chủ yếu cho tích tụ đất nuôi tôm. Giải pháp là tăng vốn điều lệ khoảng 20% ưu tiên bán cổ đông hiện hữu theo giá gần sát giá thị trường và kêu gọi cổ đông chiến lược tham gia.

**5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc với ý kiến kiểm toán: không có**

**6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty:**

**6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường**

Bảo vệ môi trường là tiền đề để doanh nghiệp tồn tại và phát triển, công tác bảo vệ môi trường tốt hay kém, không chỉ ảnh hưởng đến hình tượng của doanh nghiệp, và hơn nữa ảnh hưởng đến sự sống còn và phát triển của doanh nghiệp. Chỉ khi bảo vệ tốt môi trường, doanh nghiệp mới có thể đi lên con đường phát triển liên tục. Với bối cảnh như vậy, FMC xem trọng song song việc tăng gia hiệu ích và bảo vệ môi trường và không ngừng tìm tòi một con đường mà việc bảo vệ môi trường và tăng gia hiệu ích cùng thắng.

Trong năm qua, FMC luôn chú trọng sử dụng nhiều biện pháp nhằm hạn chế ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường như: đầu tư các thiết bị xử lý nước thải, xử lý việc xả khí thải ra môi trường một cách hiệu quả, phân loại xử lý chất thải rắn, lỏng nhằm đưa đi tái chế, đầu tư các trang thiết bị hiện đại giảm tiêu hao nhiên liệu. Áp dụng các quy chuẩn về môi trường, hợp vệ sinh, đúng pháp luật.

**6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:**

Người lao động là động lực phát triển của công ty, là người trực tiếp sử dụng những tư liệu lao động nhằm tạo ra giá trị, giúp guồng máy hoạt động một cách hiệu quả. Do đó, năng suất của công ty luôn phụ thuộc vào người lao động, muốn đạt năng suất cao thì phải tạo một môi trường thuận lợi, nâng cao đời sống nhân viên, hỗ trợ tinh thần.

FMC luôn chú trọng quan tâm đến đời sống tinh thần, chăm lo sức khỏe cho người lao động. Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ, cấp tiền bồi dưỡng, hỗ trợ người lao động khi ốm đau, bệnh tật, có chính sách nghỉ bệnh, tai nạn,...nhằm hỗ trợ



người lao động một cách tối đa có thể. Tổ chức các hoạt động giải trí nhân dịp 08/03, 20/10, lễ, Tết... Khuyến khích cho con em của người lao động học tập bằng cách phát quà cho những em có thành tích học tập tốt, tổ chức vui chơi, liên hoan cho các cháu nhân dịp Quốc tế thiếu nhi và Tết trung thu.

### **6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương**

Công ty cổ phần thực phẩm Sao Ta luôn hướng tới chia sẻ sự khó khăn với những gia đình có hoàn cảnh khó khăn, giúp họ có được điều kiện vật chất để trang trải cuộc sống, đồng thời giúp con em của họ được cắp sách đến trường. Tuy việc đóng góp giới hạn nhưng thể hiện trách nhiệm luôn quan tâm vì cộng đồng của doanh nghiệp, cũng là một sự đầu tư của doanh nghiệp vào địa phương về môi trường, nhân lực, vật lực,...tiếp một phần nhỏ vào công cuộc xây dựng địa phương nói riêng và đất nước nói chung. Đất nước giàu mạnh, địa phương phát triển cũng là một thuận lợi đối với công ty.

## **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY:**

### **1. Đánh giá về các mặt hoạt động của công ty:**

1.1 *Về tăng vốn điều lệ:* Công ty đã phát hành xong 1.200.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động năm 2018, nâng vốn điều lệ từ 390 tỉ lên 402 tỉ đồng.

1.2 *Về nhân sự:* Tại kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 diễn ra vào ngày 23/03/2018, Đại hội đã bầu thay đổi bổ sung các thành viên HĐQT và BKS như sau:

- Thống nhất miễn nhiệm Ông Hà Việt Thắng, Phó CT HĐQT; Ông Mã Ích Hưng, thành viên HĐQT; Ông Nguyễn Thanh Tùng, thành viên Ban kiểm soát.

- Thống nhất bầu bổ sung Bà Nguyễn Thị Trà My, Ông Đặng Kiệt Tường vào thành viên HĐQT Công ty; Ông Nguyễn Văn Nguyên vào Ban kiểm soát Công ty.

- Tại ngày này, HĐQT cũng đã bầu bà Nguyễn Thị Trà My giữ chức danh Phó Chủ tịch HĐQT; BKS bầu ông Nguyễn Văn Nguyên giữ chức danh Trưởng BKS, đồng thời bổ nhiệm ông Phạm Hoàng Việt giữ chức Tổng giám đốc điều hành công ty kể từ ngày 01/04/2018.

1.3 *Về đầu tư vùng nuôi tôm:* Công ty đã tiến hành cải tạo mới và tiến hành thả nuôi thêm cho hết quỹ đất hiện có 160 héc ta, làm tăng số ao nuôi từ 160 ao lên gần 250 ao. Sản lượng thu hoạch trong nuôi tôm đạt mức cao nhất từ lúc công ty bắt đầu nuôi tôm đến nay.

1.4 *Diễn biến tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm:*

- Từ cuối năm 2017, công ty đã mạnh dạng ký nhiều hợp đồng lớn, giá tốt ở thời giá nguyên liệu ở mức cao. Giá mua nguyên liệu trong năm biến động theo chiều hướng giảm dần đến đầu quý 3/2018 và tăng nhẹ vào những tháng cuối năm 2018.



Đây là nguyên nhân chính làm tăng lợi nhuận, mức lợi nhuận tốt nhất từ trước đến nay.

- Bên cạnh đó, hoạt động chế biến nông sản và nuôi tôm cũng có lời.
- Sản phẩm của công ty luôn ổn định chất lượng, luôn giữ vững uy tín thương hiệu.
- Tiếp theo POR12 (01/02/2016 đến 31/01/2017). Công ty lại là bị đơn bắt buộc cho vụ kiện chống bán phá giá tôm vào thị trường Mỹ giai đoạn POR13 (từ 01/02/2017 đến 31/01/2018). Trong năm, Công ty đã hoàn thành tốt công việc chuẩn bị số liệu và báo cho DOC Mỹ kịp thời theo lịch. Dự kiến, vào khoảng tháng 4/2019, DOC Mỹ sẽ công bố mức thuế sơ bộ về mức thuế suất bán phá giá tôm vào thị trường Mỹ.

## 2. Đánh giá về hoạt động của Ban Tổng giám đốc công ty:

Ban lãnh đạo công ty đã có tầm nhìn đúng đắn và ứng phó kịp thời, từng bước khắc phục và linh động trong hoạt động điều hành đã đưa công ty mang đến thành quả tốt và hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận năm 2018, đạt mức cao nhất từ trước đến nay.

## 3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

Trên nền tảng chủ định của các cổ đông lớn, bối cảnh hoạt động và nhu cầu thực tế, HĐQT sẽ xây dựng chiến lược kinh doanh trong giai đoạn mới. Đó là *Luôn coi việc nâng cao chất lượng sản phẩm là nhiệm vụ hàng đầu song song với việc phát triển sản xuất từng bước vững chắc, tăng doanh số, tăng hiệu quả và đồng lời. Trong việc phát triển sản xuất sẽ từng bước chủ động nguyên liệu sạch thông qua xây dựng chương trình nuôi tôm quy mô lớn. Ngoài ra luôn coi trọng tiết kiệm mọi mặt đồng thời luôn giữ gìn cốt lõi của nét văn hóa doanh nghiệp là hết sức coi trọng chữ tín trong kinh doanh, tăng cường sự đoàn kết nội bộ, hỗ trợ nhau trong mọi mặt hoạt động.*

Trong hoạt động, HĐQT cũng luôn coi trọng việc nắm thông tin phải kịp thời. Và trên hết phải nhanh chóng xử lý thông tin để tranh thủ mọi cơ hội kinh doanh. HĐQT coi trọng việc thực hiện từng bước chiến lược kinh doanh đã đề ra, trong đó chú trọng các giải pháp thực hiện sao phù hợp thực tế và có sự linh hoạt uyển chuyển kịp thời sao giảm thiểu nhất thiệt hại (nếu xảy ra) và tăng tối đa hiệu quả hoạt động. HĐQT coi trọng việc kinh doanh tiền tệ, nắm bắt tình hình diễn biến tỉ giá nhằm có hướng vay để giảm chi phí lãi vay ngân hàng. HĐQT cũng coi trọng việc chăm lo đời sống người lao động là một việc làm thường xuyên để người lao động yên tâm, gắn bó, tăng năng suất và chất lượng công việc.

- Chi phí thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2019 là 950 triệu đồng. Thường hoàn thành kế hoạch thưởng 3% lợi nhuận, vượt mức kế hoạch thưởng 5% lợi nhuận vượt. Tất cả được tính là sau thuế.



## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

### 1. Hội đồng quản trị:

#### 1.1. Thành viên và cơ cấu của HĐQT:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ghi chú
1	Hồ Quốc Lực	Chủ tịch	
2	Hà Việt Thắng	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm từ 23/03/2018, TV độc lập không điều hành.
3	Nguyễn Thị Trà My	Phó Chủ tịch	Bỏ nhiệm từ 23/03/2018, TV độc lập không điều hành.
4	Phạm Hoàng Việt	Thành viên	
5	Tô Minh Chăng	Thành viên	
6	Mã Ích Hưng	Thành viên	Miễn nhiệm từ 23/03/2018
7	Đặng Kiệt Tường	Thành viên	Bỏ nhiệm từ 23/03/2018, TV độc lập không điều hành.

1.1.1 Ông Hồ Quốc Lực – Chủ tịch Hội đồng quản trị (Xem phần Lý lịch Ban điều hành)

1.1.2 Lý lịch Ông Hà Việt Thắng – Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên: **Hà Việt Thắng**

Giới tính: Nam

Ngày sinh: 04/07/1978

Nơi sinh: Thành phố Huế

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Thừa Thiên – Huế

Địa chỉ thường trú: 60 D3 Giang Văn Minh, Phường An Phú, Quận 2, TP.HCM

Điện thoại liên lạc: (08) 3914 2668

Trình độ học vấn: Đại học

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Bách Khoa

Chức vụ hiện tại: Phó Chủ tịch HĐQT

Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác:

- Phó Chủ tịch thường trực Công ty Cổ phần Hùng Vương;

- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai;
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng;
- Phó Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Lâm Thủy sản Bến Tre;

Các công tác đã trải qua:

- Từ 2000 - T02/2010: Giám đốc Khối Ngân hàng Đầu tư CTCP Chứng khoán Sài Gòn
- Từ năm 2007: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Hùng Vương
- Từ năm 2008: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Quốc Cường Gia Lai
- Từ tháng 02/2010: Trợ lý Chủ tịch HĐQT CTCP Chứng khoán Sài Gòn
- Từ tháng 08/2011: Phó Chủ tịch HĐQT CTCP Xuất NK Lâm Thủy sản Bến Tre
- Từ tháng 04/2013: Thành viên HĐQT CTCP Thức ăn Chăn nuôi Việt Thắng
- Từ tháng 04/2013 – 04/2018: Thành viên HĐQT CTCP Thực phẩm Sao Ta

Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần, chiếm 0% vốn điều lệ

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không có

#### 1.1.3 Lý lịch bà Nguyễn Thị Trà My:

Bà Nguyễn Thị Trà My là đồng sáng lập, Phó Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc Tập đoàn PAN – Tập đoàn hàng đầu trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm tại Việt Nam, đồng thời sáng lập và kiêm Tổng Giám đốc Công ty CP CSC Vietnam – một công ty quản lý đầu tư cá nhân. Trước khi gia nhập The PAN Group và CSC Vietnam, bà có 18 năm kinh nghiệm ở cương vị Giám đốc Tài chính và Phó Tổng Giám đốc tại Biomin Vietnam – công ty thuộc Tập đoàn công nghệ của Áo đang hoạt động trên 100 nước, nơi bà cũng từng đảm nhận vị trí cố vấn cao cấp. Hiện tại Bà cũng là thành viên kiêm giữ chức Phó chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta từ 23/03/2018 đến nay.

Những hiểu biết và kinh nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao và quản lý chuỗi giá trị mà bà Trà My đã đóng góp ở The PAN Group có ý nghĩa rất quan trọng đối với những thành công gần đây của Tập đoàn. Bà đã giúp Tập đoàn vươn



lên vị trí hàng đầu trong ngành nông nghiệp, đặc biệt là trong ngành giống với việc chiếm lĩnh 30% thị trường, cũng như các giải pháp sáng tạo và công nghệ cao được áp dụng trong lĩnh vực hoa và quả đem lại lợi ích cho tất cả các bên liên quan trong chuỗi giá trị không chỉ ở Việt Nam mà còn ở Nhật Bản, thị trường xuất khẩu chính của Tập đoàn PAN.

Bà có vai trò tích cực trong hoạt động nông nghiệp của PAN với tư cách Chủ tịch PAN Farm, Chủ tịch PAN-SALADBOWL và thành viên Hội đồng Quản trị của Công ty CP Tập đoàn Giống cây trồng Việt Nam và BioSpring.

Bà Trà My có chứng chỉ Thạc sĩ Quản trị kinh doanh của trường Shidler College of Business, Đại học Hawaii, nơi bà nhận giải thưởng cựu viên danh tiếng (Hall of Honor Awards) năm 2016, và đã hoàn thành khóa học Thay đổi tư duy lãnh đạo doanh nghiệp tại trường Đại học Havard Hoa Kỳ.

*1.1.4 Ông Phạm Hoàng Việt – Thành viên Hội đồng quản trị (Xem phần Lý lịch Ban điều hành)*

*1.1.5 Ông Tô Minh Chăng – Thành viên Hội đồng quản trị (Xem phần Lý lịch Ban điều hành)*

*1.1.6 Ông Mã Ích Hưng – Thành viên Hội đồng quản trị (Xem phần Lý lịch Ban điều hành)*

*1.1.7 Ông Đặng Kiệt Tường*

+ Họ tên : Đặng Kiệt Tường

- Ngày sinh: 01/08/1959

- Nơi sinh: Bến Tre

- Địa chỉ thường trú: 214A Lý Thường Kiệt, Phường 5, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

- 1986 - 1990: NV và Phó phòng Kế hoạch – Kinh doanh, Công ty Đông lạnh TSXK Bến Tre

- 1990 - 1995: Trưởng phòng Kế hoạch – Kinh doanh, Công ty Đông lạnh TSXK Bến Tre

- 1995 - 1999: Phó Giám đốc Công ty Đông lạnh TSXK Bến Tre

- 1999 - 2004: Giám đốc Công ty Đông lạnh TSXK Bến Tre.

- 2004 đến nay: Chủ tịch HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty CP XNK thủy sản Bến Tre

- Từ 23/03/2018 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta.

Sở hữu cá nhân: 35.290 cổ phần, chiếm 0.09% vốn điều lệ, đại diện 8.089.000 cổ phần FMC (chiếm 20,12%) của Công ty Cổ phần XNK thủy sản Bến Tre.

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của những người liên quan: Không có

Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác: Không có

Các khoản nợ đối với Công ty: Không có

Lợi ích liên quan đối với tổ chức phát hành: Không có

## 1.2. Các tiểu ban thuộc HĐQT: Không có

## 1.3. Hoạt động của HĐQT:

### - Các cuộc họp:

Trong năm, Hội đồng quản trị (HĐQT) đã triệu tập 07 lần họp chính thức và nhiều lần họp bất thường:

- Xem xét thông qua Báo cáo tài chính quý 4/2017;
- Thông qua Báo cáo Tài chính kiểm toán 2017;
- Thông qua các hồ sơ, tài liệu tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 và tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 diễn ra ngày 23/03/2018.
- Quyết định bầu Bà Nguyễn Thị Trà My làm Phó CT Hội đồng quản trị, bổ nhiệm Ông Phạm Hoàng Việt giữ chức vụ Tổng Giám đốc điều hành với thời hạn 02 năm kể từ ngày 01/04/2018.
- Thông qua Phương án SXKD 2018, các hồ sơ hạn mức tín dụng vay Ngân hàng.
- Thông qua việc chi cổ tức năm 2018 (đợt cuối 15%/mệnh giá cổ phiếu) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018;
- Thông qua việc chọn Công ty kiểm toán là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam cho việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018;
- Thông qua các hồ sơ chào bán 1.200.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động 2018 và các quyết định liên quan đến việc phát hành này;
- Thông qua kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 6 tháng đầu năm 2018 và kế hoạch 06 tháng cuối năm 2018.
- Thống nhất giao cho Tổng Giám đốc được thế chấp các tài sản của Công ty liên quan đến giao dịch tín dụng tại các Ngân hàng thương mại, đồng thời giao Tổng giám đốc ký kết các giao dịch tín dụng tại các Ngân hàng này.
- Thông qua 02 dự án nuôi tôm sạch của Công ty tại Thị xã Vĩnh Châu, Tỉnh Sóc Trăng nhằm tạo thêm nguồn nuôi tôm sạch cho hoạt động chế biến xuất khẩu.
- Thống nhất hồ sơ chào mua công khai 4.762.000 cổ phiếu FMC của Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN.

### - Các nghị quyết:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
01	01/NQ-HĐQT.18	05/02/2018	Thông qua tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 và quyết định ngày tổ chức đại hội là 23/03/2018 tại Hội trường lớn trụ sở chính của công ty.
02	02/NQ-HĐQT.18	12/04/2018	Quyết định chi cổ tức 2017 bằng tiền mặt 15%/mệnh giá cổ phiếu (đợt cuối);
03	03A/NQ-HĐQT.18	24/04/2018	Thông qua Quy chế ESOP 2018 và danh sách người lao động được mua cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động 2018
04	03B/NQ-HĐQT.18	24/04/2018	Quyết định thông qua hồ sơ chào bán 1.200.000 cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động 2018



05	122A/QĐ.2018	25/06/2018	Quyết định đăng ký lại giấy đăng ký kinh doanh do thay đổi vốn điều lệ lên 402 tỉ đồng;
06	47/QĐ2018	26/03/2018	Quyết định bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành;
07	48/QĐ2018	26/03/2018	Quyết định bổ nhiệm các Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng.
08	07A/NQ-HĐQT.18	12/11/2018	Thông qua dự án NUÔI TÔM SẠCH KỸ THUẬT CAO TẠI VĨNH CHÂU, SÓC TRĂNG theo tờ trình số 200/TT2018 ngày 12/11/2018 và dự án kèm theo.
09	07B/NQ-HĐQT.18	12/11/2018	Thông qua dự án NUÔI TÔM SẠCH KỸ THUẬT CAO QUY TRÌNH CPF theo tờ trình số 201/TT2018 ngày 12/11/2018 và dự án kèm theo.
10	08/NQ-HĐQT.18	26/11/2018	Thông nhất đồng ý việc Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN thực hiện chào mua công khai 4.762.000 cổ phiếu Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (FMC) để nâng tỷ lệ sở hữu và đầu tư lâu dài.

#### 1.4. Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập không điều hành:

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập tuy không tham gia điều hành công ty nhưng vẫn giữ chức năng giám sát các hoạt động của Ban Điều hành và tình hình của công ty. Năm 2018, Thành viên Hội đồng quản trị độc lập đã thực hiện việc giám sát đúng và đầy đủ, yêu cầu xem xét các báo cáo, đánh giá những vấn đề phát sinh, tham gia đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị; thông qua đó, việc giám sát vẫn được thường xuyên, liên tục một cách khách quan.

#### 1.5. Hoạt động của các tiểu ban thuộc HĐQT: Không có

#### 1.6. Danh sách các thành viên HĐQT có chứng chỉ về quản trị công ty:

Không có

### 2. Ban kiểm soát:

#### 2.1. Thành viên và cơ cấu của BKS:

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Chung Thanh Tâm	Thành viên	44.250	0,11
2	Nguyễn Văn Nguyên	Trưởng Ban	30.000	0,07
3	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	0	0,00
4	Triệu Tương Long	Thành viên	30.000	0,07

Ghi chú:

- Ông Chung Thanh Tâm được miễn nhiệm chức vụ Trưởng Ban kiểm soát, thay vào đó Ông Nguyễn Văn Nguyên giữ chức Trưởng ban từ ngày 23/03/2018.

- Ông Nguyễn Thanh Tùng được miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát từ ngày 23/03/2018.



## 2.2. Hoạt động của BKS:

### 2.2.1 Nhận xét về công tác quản lý điều hành của Công ty năm 2018

#### a) Hoạt động của Hội đồng Quản trị (HDQT)

Năm 2018, Hội đồng Quản trị đã tổ chức triển khai và hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ tập trung vào các mục tiêu tại Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, tuân thủ quy định pháp luật và Điều lệ Công ty. Hội đồng Quản trị đã hoàn thành tốt các mục tiêu Đại hội cổ đông đề ra.

Các phiên họp HDQT đã ban hành Nghị quyết phù hợp với Điều lệ, nội dung định hướng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Thông tin về các cuộc họp và Nghị Quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản); đồng thời, báo cáo về Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán được đầy đủ và đúng thời gian quy định.

#### b) Công tác điều hành của Ban Tổng Giám đốc

Trong năm 2018, Ban Tổng Giám đốc đã phân công nhiệm vụ từng thành viên Ban Tổng Giám đốc và cụ thể hóa các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị đến Ban Tổng Giám đốc, các phòng ban nghiệp vụ của công ty; chỉ đạo điều hành các khâu tổ chức SXKD. Từ đó, đã phát huy tốt thế mạnh của công ty lãnh đạo các khâu hoàn thành tốt nhiệm vụ đạt và vượt các chỉ tiêu đại hội đề ra.

Nhìn chung, năm 2018 Ban Tổng Giám đốc và các phòng, ban chuyên môn đã hoàn thành tốt nhiệm vụ SXKD và chấp hành nghiêm, tốt các quy định của pháp luật Nhà nước và Điều lệ của công ty.

### 2.2.2 Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2018:

Ban kiểm soát thực hiện chức năng nắm tình hình hoạt động của HDQT, Ban TGD và tham dự vào các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc nhằm kiểm tra, giám sát tính tuân thủ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Điều lệ hoạt động của công ty; BKS phân công các thành viên nghiêm túc thực hiện tốt nhiệm vụ nắm thông tin thường xuyên trao đổi đánh giá tình hình hoạt động của Công ty để có các ý kiến kịp thời về tình hình SXKD của công ty.

Trong công tác phối hợp Ban kiểm soát được Hội đồng Quản trị cũng như Ban Tổng Giám đốc luôn tạo điều kiện thuận lợi để các thành viên trong Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ. Năm 2018, Ban Kiểm soát cũng đã xây dựng chương trình kế hoạch kiểm tra, kiểm soát hoạt động Công ty, giám sát hoạt động điều hành của HDQT, Ban Tổng giám công ty trong việc tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về các chỉ tiêu kế hoạch năm 2018 và có ý kiến trực tiếp về các vấn đề thuộc quyền hạn của Ban kiểm soát.



Năm qua, thành viên Ban kiểm soát tổ chức họp định kỳ để đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh của công ty; đồng thời, theo dõi sát sao thông qua việc trao đổi thường xuyên và đóng góp ý kiến trao đổi thông tin liên quan qua mail, điện thoại để đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ kiểm soát nhằm xem xét những vấn đề cần quan tâm các rủi ro trong hoạt động đầu tư. Qua kết quả kiểm tra, kiểm soát được tổng hợp từ các báo cáo của các thành viên Ban kiểm soát. Ban kiểm soát không nhận thấy bất kỳ dấu hiệu bất thường nào trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tất cả các hoạt động của công ty điều tuân thủ đúng luật và hoạt động ở mức ổn định, bình thường.

**a) Giám sát hoạt động tài chính và sản xuất kinh doanh năm 2018:**

Việc lựa chọn Công ty TNHH Emst & Young Việt Nam kiểm toán. Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính của Công ty và được trình bày các báo cáo quy định, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp luật hiện hành.

Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty đã phản ánh đầy đủ, kịp thời, trung thực, hợp lý không ẩn chứa các khía cạnh trọng yếu trong báo cáo tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018.

Ban kiểm soát thực hiện định kỳ xem xét, kiểm tra rà soát, phân tích các thông tin, số liệu trên của báo cáo tài chính hàng quý của công ty; đồng thời, xem xét báo cáo 6 tháng và Báo cáo tài chính năm 2018 đã được soát xét và kiểm toán cẩn trọng bởi Công ty TNHH Emst & Young Việt Nam.

Báo cáo tài chính năm 2018 thực hiện 15 tháng (thời gian từ ngày 01 tháng 10 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018) theo niên độ hoạt động được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại Đại hội năm 2018.

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2018 tại Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta đã thực hiện như sau:

**Bảng tổng hợp các chỉ tiêu chủ yếu năm 2018:**

*Đơn vị tính: Tỷ đồng*

Chỉ tiêu	Chỉ tiêu kế hoạch năm 2018	Chỉ tiêu thực hiện năm 2018	Tỷ lệ % TH/KH
Tổng Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.350	4.891	112%
Lợi nhuận trước thuế	140	212	152%

Đánh giá hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch:

- Hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch về doanh thu so với kế hoạch (đạt 112%)
- Thực hiện chỉ tiêu về lợi nhuận so với kế hoạch đề ra (đạt 152%)



### 2.2.3 Thực hiện nhiệm vụ kiểm soát:

Giám sát các hoạt động quản trị, điều hành của Ban điều hành Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta (FIMEX VN) theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của HĐQT Công ty giao.

Ban kiểm soát giám sát kiểm tra việc quản lý và thực hiện kế hoạch lợi nhuận năm 2018 của HĐQT và Ban điều hành, kiểm tra tính hợp pháp, hợp lý của các hoạt động SXKD của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của HĐQT năm 2018.

Qua giám sát việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh như: Điều hành bộ máy công ty từ khâu tổ chức sử dụng nhân sự, tuyển dụng lao động đã đáp ứng cho hoạt động sản xuất – kinh doanh và thực hiện tốt các chính sách người lao động, chế độ lương, phụ cấp độc hại, trang cấp bảo hộ lao động đúng theo quy định hiện hành.

Đối với các phân xưởng sản xuất việc trang thiết bị, sửa chữa định kỳ đúng thời hạn phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật và việc vận hành thiết bị đúng theo quy trình, quy định nên đã phát huy hiệu quả cao trong quá trình sản xuất kinh doanh nên không gây xảy ra các sự cố trong quá trình hoạt động.

Các phân xưởng chế biến tôm được đầu tư, trang thiết bị và chủ động định kỳ duy tu, bảo dưỡng nên trong năm sản lượng sản xuất không bị vượt công suất gây ứ đọng nguyên liệu đầu vào.

Việc tổ chức quản lý doanh nghiệp, đơn vị có ban hành các Quy chế, Quy định như: quy trình xuất, nhập vật tư, định mức sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, năng lượng chặt chẽ đáp ứng cho yêu cầu phục vụ sản xuất; đồng thời, công ty xây dựng kế hoạch tiết kiệm chi phí đầu vào nhằm hạ giá thành để tăng sức cạnh tranh trong lúc kinh tế thế giới đang khủng hoảng khó khăn chung và giá tôm thành phẩm trên thị trường trong năm liên tục giảm.

Việc kiểm tra các sản phẩm trước khi nhập kho và xuất bán; công ty tổ chức theo đúng quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, nhưng vẫn hạn chế về năng lực và thiết bị tầm soát chất lượng sản phẩm.

Vùng nuôi của Công ty chỉ đáp ứng 10% nguyên liệu đầu vào phục vụ chế biến, nhưng nhờ sự nỗ lực của Ban giám đốc kết hợp với các vùng nuôi trong vùng nên nguyên liệu đầu vào đáp ứng đầy đủ các đơn đặt hàng theo hợp đồng đã ký.

Hiện nay diện tích nuôi tôm của Công ty là 160 ha, trong năm qua công ty cũng đã nuôi tôm trên hết phần diện tích này, việc vùng nuôi tôm trong năm có hiệu quả cao cũng đã góp phần hoàn thành vượt chỉ tiêu kế hoạch, chủ động nguồn nguyên liệu sạch xuất khẩu sang các thị trường khó tính.

### 2.2.4 Nhận xét tình hình chung:

Năm 2018 với tình hình kinh tế toàn cầu diễn biến phức tạp, giá tôm trên thị trường liên tục giảm, nhưng với sự nỗ lực không ngừng và quyết tâm của Hội đồng quản trị cùng với Ban tổng giám đốc Công ty đã vượt chỉ tiêu về doanh thu 12%, lợi nhuận 52% của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.

Cũng trong năm Công ty là đơn vị bị đơn bắt buộc và duy nhất của đợt xem xét hành chính về vụ kiện chống bán phá giá tôm vào thị trường Hoa Kỳ, nhưng với sự nỗ lực của



Ban lãnh đạo trong việc cung cấp thông tin cùng với việc thẩm tra sổ sách, cơ sở vật chất và giải trình hợp lý kịp thời nên mức thuế ban đầu từ 25.39% xuống còn 4.58%.

Trong năm 2018 hệ thống Marketing đã nỗ lực tìm thị trường mới đặc biệt là thị trường EU đã góp phần tiêu thụ sản phẩm giảm thiểu rủi ro từ thị trường Hoa kỳ.

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần thực phẩm Sao Ta được kiểm toán bởi Công ty TNHH Emst & Young Việt Nam kết thúc năm tài chính tại ngày 31/12/2018 theo đúng chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam; báo cáo không có những sai sót trọng yếu.

Ban kiểm soát với tư cách đại diện cổ đông thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát độc lập xin xác nhận báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực, phù hợp pháp luật Việt Nam.

### **2.2.5 Phương hướng hoạt động thời gian tới của BKS.**

Trước tiên là thực hiện mục tiêu Nghị quyết đại hội đồng cổ đông đề ra năm 2019, Ban kiểm soát cụ thể hóa thành kế hoạch thực hiện và phấn đấu làm tốt chức năng nhiệm vụ được cổ đông giao.

Kiểm tra, kiểm soát chặt chẽ các hoạt động quản trị, điều hành và sản xuất kinh doanh của Công ty đảm bảo công khai, minh bạch trong công tác quản trị, điều hành và cung cấp thông tin đến cổ đông khi có yêu cầu theo Luật định và Điều lệ hoạt động của công ty.

Kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh hàng năm của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, soát xét báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo bán niên, báo cáo hàng năm.

Đảm bảo đại diện Ban kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng Quản trị để nắm bắt tình hình quản trị và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, đồng thời đưa ra các cảnh báo kịp thời đảm bảo lợi ích cổ đông.

Kiểm tra, giám sát về lĩnh vực về đầu tư tài chính của công ty, thực hiện theo dõi về công tác tổ chức nhân sự, chất lượng nguyên liệu, thành phẩm (đầu vào, đầu ra) tình hình các phân xưởng, các khu nuôi tôm.

### **2.3.5 Kiến nghị**

- Cần quan tâm trong chiến lược: Vì hiện nay các đối thủ cùng ngành không ngừng mở rộng quy mô, đầu tư dây chuyền sản xuất, do đó nguồn cung nguyên liệu ngày càng khan hiếm, Hội đồng quản trị chỉ đạo Ban Điều hành kết hợp với chính quyền địa phương mở rộng diện tích vùng nuôi để nâng cao sự chủ động hơn nguồn nguyên liệu sạch đồng thời xác định mặt hàng chiến lược và hoàn thiện cơ sở vật chất cho các mặt hàng này.

- Về nhân lực: Hội đồng quản trị cần định hướng và xây dựng Kế hoạch quy hoạch đội ngũ quản lý kế thừa và đào tạo nguồn nhân lực trẻ.

- Đối với công nghệ chế biến và nuôi trồng: Hiện nay cuộc cách mạng công nghiệp thứ 4 (công nghiệp 4.0) trên thế giới đang diễn ra trong các hoạt động để phát triển của từng quốc gia nói chung và công ty nói riêng; do vậy, đề nghị Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc nên xây dựng chương trình để thích ứng với xu thế phát triển hiện nay.

002  
C.N.  
C.P.  
C.F.  
C.O.  
3-1

### 3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của HĐQT, Ban Tổng giám đốc và BKS:

#### 3.1. Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích:

*ĐVT: Ngàn đồng*

ST T	Họ và Tên	Chức vụ	Lương, thưởng	Thù lao	Lợi ích khác	Tổng thu nhập
01	Hồ Quốc Lực	CT.HĐQT	2.058.072	144.000		2.202.072
02	Hà Việt Thắng	PCT.HĐQT	440.000			440.000
03	Nguyễn Thị Trà May	PCT.HĐQT	96.000	144.000		240.000
04	Phạm Hoàng Việt	TV.HĐQT	1.953.522	108.000		2.061.522
05	Tô Minh Chăng	TV.HĐQT	1.488.085	108.000		1.596.085
06	Mã Ích Hưng	TV.HĐQT	1.610.899			1.610.899
07	Đặng Kiệt Tường	TV.HĐQT	60.000	108.000		168.000
08	Đình Văn Thới	TV.HĐQT	1.304.769			1.304.769
09	Dương Ngọc Kim	Phó TGD	1.406.899			1.406.899
10	Chung Thanh Tâm	TB.BKS	374.000	84.000		458.000
11	Nguyễn Văn Nguyên	TB.BKS	60.000	108.000		168.000
12	Nguyễn Thanh Tùng	TV.BKS	213.000			213.000
13	Hoàng Thanh Vũ	Phó TGD	1.599.986			1.599.986
14	Triệu Tương Long	TV.BKS	716.846	84.000		800.846
	<b>Tổng cộng</b>		<b>13.382.078</b>	<b>888.000</b>		<b>14.270.078</b>

#### 3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Hồ Quốc Lực		455.000	1,17%	605.000	1,50%	Mua CP theo chương trình lựa chọn cho người lao động; Mua thêm 100.000 CP
2	Dương Ngọc Kim	Vợ Hồ Quốc Lực	122.362	0,31%	178.362	0,42%	Mua CP theo chương trình lựa chọn cho người lao động; Mua thêm 11.000 CP
3	Hà Việt Thắng		48.750	0,13%	48.750	0,12%	Mua CP theo chương trình lựa chọn cho người lao động



4	Phạm Hoàng Việt		138.937	0,36%	188.937	0,47%	Mua CP theo chương trình lựa chọn cho người lao động
5	Triệu Mai Lan	Vợ Phạm Hoàng Việt	88.744	0,23%	123.744	0,31%	Mua CP theo chương trình lựa chọn cho người lao động
6	Đình Văn Thới		66.787	0,17%	111.787	0,28%	Mua CP theo chương trình lựa chọn cho người lao động
7	Nguyễn Như Diễm Quỳnh	Vợ Đình Văn Thới	23.545	0,06%	23.545	0,06%	
8	Tô Minh Chăng		69.420	0,18%	109.420	0,27%	Mua CP theo chương trình lựa chọn cho người lao động
8	Mã Ích Hưng		67.372	0,17%	112.372	0,28%	Mua CP theo chương trình lựa chọn cho người lao động
10	Ngô Kiều Phương	Vợ Mã Ích Hưng	33.637	0,09%	33.637	0,08%	
11	Chung Thanh Tâm		29.250	0,08%	44.420	0,11%	Mua CP theo chương trình lựa chọn cho người lao động
12	Nguyễn Thanh Tùng		29.250	0,08%	2.350	0,01%	Mua CP theo chương trình lựa chọn cho người lao động
13	Hoàng Thanh Vũ		5	0%	45.005	0,11%	Mua CP theo chương trình lựa chọn cho người lao động
14	Triệu Tương Long		0	0,00%	30.000	0,07%	Mua CP theo chương trình lựa chọn cho người lao động
15	BCH CĐCS công ty	Ông Tô Minh Chăng làm Chủ tịch	552.959	1,42%	552.959	1,38%	
16	Công ty cổ phần Hùng Vương	Cổ đông lớn	21.167.999	54,28%			Bán hết số Cổ phần trên Sàn giao dịch
17	Nguyễn Thị Trà My				40.000	0,10%	Mua CP theo chương trình lựa chọn cho người lao động
18	Đặng Kiệt Tường				40.000	0,10%	Mua CP theo chương trình lựa chọn cho người lao động và mua thêm 10.000 CP trên Sàn giao dịch
19	Nguyễn Văn Nguyên				30.000	0,07%	Mua CP theo chương trình lựa chọn cho người lao động

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

3.4. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Thực hiện đầy đủ.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH: Tham khảo Phụ lục đính kèm.

*ly*

Sóc Trăng, ngày 26 tháng 03 năm 2019

Đại diện pháp luật của công ty

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**PHẠM HOÀNG VIỆT**

PHẠM HOÀNG VIỆT



## PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

*(Báo cáo Tài chính 2018 đã được kiểm toán)*

0204  
NG  
PH  
CP  
01  
G-1

# Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018





# Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

## NỘI DUNG

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 30



# Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

## THÔNG TIN CHUNG

### CÔNG TY

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty"), là một công ty cổ phần, được chuyển đổi từ cổ phần hóa Công ty Thực phẩm Xuất Nhập khẩu Sóc Trăng theo Quyết định số 346/QĐ-TCCB02 ngày 9 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5903000012 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2002, và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Vào ngày 7 tháng 12 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo theo Giấy phép niêm yết số 66/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm hiện hành của Công ty là nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Km 2132 Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Hồ Quốc Lực	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Trà My	Phó chủ tịch	bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2018
Ông Hà Việt Thắng	Phó Chủ tịch	từ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2018
Ông Phạm Hoàng Việt	Thành viên	
Ông Đặng Kiệt Tường	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2018
Ông Mã Ích Hưng	Thành viên	từ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2018
Ông Tô Minh Chăng	Thành viên	

### BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Nguyên	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2018
Ông Chung Thanh Tâm	Thành viên	bổ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2018
	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2018
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên	từ nhiệm ngày 23 tháng 3 năm 2018
Ông Triệu Tương Long	Thành viên	

### BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Hoàng Việt	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2018
	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2018
Ông Hồ Quốc Lực	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 1 tháng 4 năm 2018
Bà Dương Ngọc Kim	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Mã Ích Hưng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đinh Văn Thới	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Hoàng Thanh Vũ	Phó Tổng Giám đốc	

### NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Hoàng Việt	Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 24 tháng 7 năm 2018
Ông Hồ Quốc Lực	Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 24 tháng 7 năm 2018

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.



# Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

### CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Phạm Hoàng Việt  
Ban Tổng Giám đốc:



Ông Phạm Hoàng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 3 năm 2019

Số tham chiếu: 61119180/20265688

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty") được lập vào ngày 8 tháng 3 năm 2019 và được trình bày từ trang 5 đến trang 30 bao gồm bảng cân đối kế toán vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

### ***Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc***

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### ***Trách nhiệm của Kiểm toán viên***

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Y  
N  
AM  
A  
SỐC





Building a better  
working world

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

### **Vấn đề khác**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được kiểm toán.

### **Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam**



Đoàn Thị Thuý  
Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1070-2018-004-1

Từ Thái Sơn  
Kiểm toán viên  
Giấy CNDKHN kiểm toán  
Số: 1543-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>1.187.087.360.011</b>	<b>1.347.923.887.355</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>4</b>	<b>26.594.499.011</b>	<b>165.795.287.586</b>
111	1. Tiền		6.200.499.011	8.745.287.586
112	2. Các khoản tương đương tiền		20.394.000.000	157.050.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>5</b>	<b>5.100.000.000</b>	<b>-</b>
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		5.100.000.000	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>288.855.817.408</b>	<b>409.638.602.482</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	300.517.284.598	396.045.089.381
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	7.502.915.960	14.639.608.097
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	13.590.172.521	14.322.071.408
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(32.754.555.671)	(15.368.166.404)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		<b>837.299.066.301</b>	<b>744.133.201.314</b>
141	1. Hàng tồn kho	9	837.299.066.301	744.133.201.314
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>29.237.977.291</b>	<b>28.356.795.973</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	4.264.233.131	3.785.554.609
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	15	24.973.744.160	24.560.602.530
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		-	10.638.834
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>308.156.648.481</b>	<b>307.983.615.967</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>276.025.071.426</b>	<b>276.985.269.416</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	273.800.555.981	274.612.667.803
222	Nguyên giá		685.677.389.306	626.092.420.172
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(411.876.833.325)	(351.479.752.369)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	2.224.515.445	2.372.601.613
228	Nguyên giá		3.236.661.710	3.236.661.710
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(1.012.146.265)	(864.060.097)
<b>240</b>	<b>II. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>12.639.830.105</b>	<b>3.096.992.368</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	12.639.830.105	3.096.992.368
<b>260</b>	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>19.491.746.950</b>	<b>27.901.354.183</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	16.914.061.000	27.308.916.754
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	2.577.685.950	592.437.429
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.495.244.008.492</b>	<b>1.655.907.503.322</b>



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)  
vào ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>806.305.098.766</b>	<b>1.083.045.885.444</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>798.649.494.016</b>	<b>1.076.096.063.444</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	83.191.223.239	53.747.965.822
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1.041.714.615	894.184.080
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	20.102.834.177	4.184.250.993
314	4. Phải trả người lao động		83.173.552.795	27.971.751.670
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	12.083.567.219	6.916.434.676
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17	5.090.073.842	5.087.823.842
320	7. Vay ngắn hạn	18	593.284.459.500	976.491.035.000
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		682.068.629	802.617.361
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>7.655.604.750</b>	<b>6.949.822.000</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	635.000.000	630.000.000
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	19	7.020.604.750	6.319.822.000
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>688.938.909.726</b>	<b>572.861.617.878</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>20.1</b>	<b>688.938.909.726</b>	<b>572.861.617.878</b>
411	1. Vốn cổ phần		402.000.000.000	390.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		402.000.000.000	390.000.000.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		70.527.327.202	70.557.327.202
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		216.411.582.524	112.304.290.676
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước		35.915.705.934	1.275.809.650
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		180.495.876.590	111.028.481.026
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.495.244.008.492</b>	<b>1.655.907.503.322</b>

0208  
ÔNG  
CỔ PH.  
/C P  
AO  
/G - T





Lưu Nguyễn Trúc Dung                      Tô Minh Chăng                      Phạm Hoàng Việt  
 Người lập                                      Kế toán trưởng                      Tổng Giám đốc




Ngày 8 tháng 3 năm 2019


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

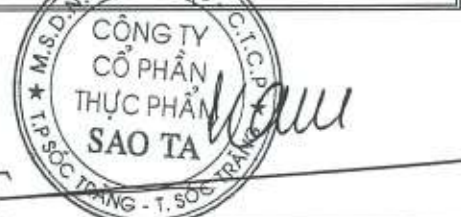
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
01	1. Doanh thu về bán hàng	21.1	3.813.709.652.190	3.511.171.660.601
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	21.1	(7.049.512.546)	(13.330.860.540)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng	21.1	3.806.660.139.644	3.497.840.800.061
11	4. Giá vốn hàng bán	22	(3.411.980.036.822)	(3.225.235.635.213)
20	5. Lợi nhuận gộp từ bán hàng		394.680.102.822	272.605.164.848
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	21.2	11.164.452.917	21.226.646.844
22 23	7. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	(34.207.322.707) (23.168.961.229)	(35.214.692.391) (32.010.977.926)
25	8. Chi phí bán hàng	24	(101.363.997.617)	(98.369.572.282)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	(76.601.923.733)	(46.676.625.962)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		193.671.311.682	113.570.921.057
31	11. Thu nhập khác		427.966.194	239.627.932
32	12. Chi phí khác		(72.558.828)	(569.304.542)
40	13. Lợi nhuận (lỗ) khác		355.407.366	(329.676.610)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		194.026.719.048	113.241.244.447
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1	(15.516.090.979)	(2.146.337.523)
52	16. Thu nhập (chi phí) thuế TNDN hoãn lại	27.3	1.985.248.521	(66.425.898)
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		180.495.876.590	111.028.481.026
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	20.4	3.888	2.832
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	20.4	3.888	2.832

53 - C  
Y  
N  
M  
Đ  
C  
TR

  
Lưu Nguyễn Trúc Dung  
Người lập

  
Tô Minh Chăng  
Kế toán trưởng

  
Phạm Hoàng Việt  
Tổng Giám đốc



Ngày 8 tháng 3 năm 2019



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018


VND


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>		<b>194.026.719.048</b>	<b>113.241.244.447</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình ("TSCĐ")	10, 11	61.517.945.912	51.868.616.734
03	Các khoản dự phòng		18.087.172.017	924.820.654
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(804.221.527)	(45.851.378)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(5.738.087.423)	(9.911.074.461)
06	Chi phí lãi vay	23	23.168.961.229	32.010.977.926
08	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>290.258.489.256</b>	<b>188.088.733.922</b>
09	Giảm (tăng) các khoản phải thu		106.106.009.021	(142.228.167.049)
10	Tăng hàng tồn kho		(93.165.864.987)	(267.258.970.673)
11	Tăng các khoản phải trả		93.855.132.864	34.345.309.990
12	Giảm chi phí trả trước		9.916.177.232	3.408.101.556
14	Tiền lãi vay đã trả		(23.340.191.386)	(31.885.961.193)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(1.248.515.252)	(2.680.986.500)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(18.009.133.474)	(16.756.045.558)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động kinh doanh</b>		<b>364.372.103.274</b>	<b>(234.967.985.505)</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng TSCĐ		(77.020.107.018)	(96.566.053.992)
22	Tiền thu do thanh lý TSCĐ		359.090.909	1.404.596.153
25	Tiền chi gửi ngân hàng có kỳ hạn		(5.100.000.000)	-
27	Tiền thu lãi ngân hàng		5.683.553.610	10.077.015.303
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư</b>		<b>(76.077.462.499)</b>	<b>(85.084.442.536)</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu mới	20.1	11.970.000.000	89.617.400.000
33	Tiền thu từ đi vay	18	3.080.550.595.920	3.568.839.743.409
34	Tiền trả nợ gốc vay	18	(3.461.979.666.820)	(3.409.015.337.631)
36	Cổ tức đã trả	20.2	(58.500.000.000)	(90.000.000.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính</b>		<b>(427.959.070.900)</b>	<b>159.441.805.778</b>

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)  
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
50	Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong năm		(139.664.430.125)	(160.610.622.263)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		165.795.287.586	325.929.415.900
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		463.641.550	476.493.949
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	26.594.499.011	165.795.287.586

  
Lưu Nguyễn Trúc Dung  
Người lập

  
Tô Minh Chăng  
Kế toán trưởng

  
Phạm Hoàng Việt  
Tổng Giám đốc



Ngày 8 tháng 3 năm 2019



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**1. THÔNG TIN CÔNG TY**

Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta ("Công ty"), là một công ty cổ phần, được chuyển đổi từ cổ phần hóa Công ty Thực phẩm Xuất Nhập khẩu Sóc Trăng theo Quyết định số 346/QĐ-TCCB02 ngày 9 tháng 10 năm 2002 của Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng, và theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 5903000012 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 19 tháng 12 năm 2002, và các GCNĐKKD điều chỉnh.

Vào ngày 7 tháng 12 năm 2006, Công ty chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo theo Giấy phép niêm yết số 66/UBCK-GPNY do Ủy ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 10 năm 2006.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm, nông sản sơ chế và sản xuất, xuất khẩu tiêu thụ hàng nông sản.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Km 2132 Quốc lộ 1A, Phường 2, Thành phố Sóc Trăng, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là: 3.188 (ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 3.171).

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**

**2.1 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Chứng từ ghi sổ.

0201  
 0NG  
 0 PH  
 JC P  
 AO  
 NG

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)**

**2.3 Kỳ kế toán năm**

Trong những năm trước, kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 và kết thúc ngày 30 tháng 9. Kể từ ngày 1 tháng 10 năm 2017, kỳ kế toán của Công ty đã thay đổi thành bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12 theo phê duyệt của Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên vào ngày 23 tháng 3 năm 2018.

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 chưa được kiểm toán.

**2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng kế toán**

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là VND.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Hàng tồn kho được Công ty ghi nhận với phương pháp như sau:

Nguyên vật liệu và hàng hóa - kê khai thường xuyên, chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang - kiểm kê định kỳ, giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

**Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Tài sản cố định**

Tài sản cố định hữu hình và vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình khi Công ty được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trước năm 2003 theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định ("Thông tư 45"). Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

**3.5 Khấu hao và hao mòn**

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 25 năm
Máy móc và thiết bị	4 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 7 năm
Quyền sử dụng đất	39 - 50 năm
Phần mềm vi tính	3 - 6 năm
Tài sản khác	5 - 6 năm

**3.6 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm khi phát sinh.

**3.7 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

*Công cụ dụng cụ*

Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

*Tiền thuê đất trả trước*

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của các khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Ủy ban Nhân dân Tỉnh Sóc Trăng vào ngày 13 tháng 6 năm 2007, ngày 4 tháng 10 năm 2012 và ngày 20 tháng 7 năm 2016 trong thời hạn 48 – 50 năm. Theo Thông tư 45, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí trong thời gian còn lại của hợp đồng thuê.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.8 Các khoản đầu tư**

*Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong năm trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

**3.9 Các khoản phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

**3.10 Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi niên độ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

**3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**3.12 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập quỹ từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.12 Phân chia lợi nhuận (tiếp theo)**

► *Quỹ khen thưởng phúc lợi*

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán.

**3.13 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.14 Thuế**

*Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

*Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

0021  
ÔNG  
Ổ P  
IC F  
AO  
VG

Y H H



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.14 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

**3.15 Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

**3.16 Thông tin theo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính hiện nay của Công ty là nuôi trồng, chế biến, bảo quản thủy sản; mua bán lương thực, thực phẩm. Trong đó, doanh thu thủy sản chiếm tỷ trọng khoảng 95% trong tổng doanh thu. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Công ty sản xuất ra hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Giám đốc nhận định rằng Công ty chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh - thủy sản và khu vực địa lý - Việt Nam. Theo đó, thông tin theo bộ phận sẽ không trình bày.

**3.17 Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

153  
TY  
AN  
AM  
A  
SQC



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	750.834.120	2.624.540.689
Tiền gửi ngân hàng	5.449.664.891	6.120.746.897
Các khoản tương đương tiền (*)	20.394.000.000	157.050.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>26.594.499.011</b>	<b>165.795.287.586</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc là một (1) tháng và hưởng lãi suất 5,5%/năm.

**5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN NGẮN HẠN**

Số tiền này thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc từ chín (9) tháng đến mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất từ 5,3%/năm đến 6,6%/năm.

**6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Amanda Seafood Private Limited	213.967.148.405	147.530.658.386
Khác	86.550.136.193	248.514.430.995
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>300.517.284.598</b>	<b>396.045.089.381</b>
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(17.786.389.267)	-
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>282.730.895.331</b>	<b>396.045.089.381</b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Anh Phát	2.615.700.000	283.800.000
Công ty Cổ phần Chăn nuôi CP Việt Nam	1.581.485.716	3.899.588.533
Trần Hữu Mai	1.299.390.000	1.299.390.000
Khác	2.006.340.244	9.156.829.564
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>7.502.915.960</b>	<b>14.639.608.097</b>
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(1.299.390.000)	(1.299.390.000)
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b>6.203.525.960</b>	<b>13.340.218.097</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng cho việc giải phóng mặt bằng	13.088.000.000	13.088.000.000
Khu Công nghiệp Cái Cồn	407.399.973	480.431.825
Tạm ứng cho nhân viên	93.772.548	272.639.583
Trích trước lãi vay phải thu	-	400.000.000
Đầu tư vào công ty khác	1.000.000	81.000.000
Khác	-	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>13.590.172.521</b>	<b>14.322.071.408</b>
Dự phòng phải thu ngắn hạn khác khó đòi	(13.088.000.000)	(13.488.000.000)
<b>GIÁ TRỊ THUẬN</b>	<b>502.172.521</b>	<b>834.071.408</b>

**9. HÀNG TỒN KHO**

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Thành phẩm	766.374.759.365	639.113.810.334
Công cụ, dụng cụ và bao bì	37.782.012.940	40.423.321.665
Nguyên vật liệu	30.638.436.396	27.345.420.496
Hàng mua đang đi trên đường	2.503.857.600	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	37.250.648.819
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>837.299.066.301</b>	<b>744.133.201.314</b>

Như được trình bày trong *Thuyết minh số 18*, Công ty đã thế chấp toàn bộ hàng tồn kho để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.



# Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## 10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VND					
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
<b>Nguyên giá:</b>						
Số đầu năm	185.199.561.103	397.276.277.682	28.274.098.293	7.811.944.149	7.530.538.945	626.092.420.172
Mua mới	-	39.138.279.672	16.106.360.262	3.201.990.464	-	58.446.630.398
Chuyển từ xây dựng cơ bản dờ dang hoàn thành	2.236.807.585	-	-	-	-	2.236.807.585
Thanh lý	-	(239.040.667)	(859.428.182)	-	-	(1.098.468.849)
Số cuối năm	<u>187.436.368.688</u>	<u>436.175.516.687</u>	<u>43.521.030.373</u>	<u>11.013.934.613</u>	<u>7.530.538.945</u>	<u>685.677.389.306</u>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết	59.208.492.951	160.442.774.721	9.140.038.994	4.295.385.198	4.771.419.045	237.858.110.909
<b>Giá trị khấu hao lũy kế:</b>						
Số đầu năm	94.391.125.936	231.492.237.530	14.403.161.800	5.223.487.429	5.969.739.674	351.479.752.369
Khấu hao trong năm	14.934.619.954	41.395.767.453	3.364.395.836	987.101.508	687.974.993	61.369.859.744
Thanh lý	-	(239.040.667)	(733.738.121)	-	-	(972.778.788)
Số cuối năm	<u>109.325.745.890</u>	<u>272.648.964.316</u>	<u>17.033.819.515</u>	<u>6.210.588.937</u>	<u>6.657.714.667</u>	<u>411.876.833.325</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>						
Số đầu năm	<u>90.808.435.167</u>	<u>165.784.040.152</u>	<u>13.870.936.493</u>	<u>2.588.456.720</u>	<u>1.560.799.271</u>	<u>274.612.667.803</u>
Số cuối năm	<u>78.110.622.798</u>	<u>163.526.552.371</u>	<u>26.487.210.858</u>	<u>4.803.345.676</u>	<u>872.824.278</u>	<u>273.800.555.981</u>
<i>Trong đó:</i>						
Giá trị tài sản thế chấp (Thuyết minh số 18)	78.110.622.798	163.526.552.371	26.487.210.858	-	-	268.124.386.027

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	VND			
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm vi tính</i>	<i>Tài sản khác</i>	<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>				
Số đầu năm và cuối năm	2.551.564.900	485.595.610	199.501.200	3.236.661.710
Trong đó: Đã khấu trừ hết	-	140.000.000	199.501.200	339.501.200
<b>Giá trị hao mòn lũy kế:</b>				
Số đầu năm	402.976.846	261.582.051	199.501.200	864.060.097
Hao mòn trong năm	58.351.632	89.734.536	-	148.086.168
Số cuối năm	461.328.478	351.316.587	199.501.200	1.012.146.265
<b>Giá trị còn lại:</b>				
Số đầu năm	2.148.588.054	224.013.559	-	2.372.601.613
Số cuối năm	2.090.236.422	134.279.023	-	2.224.515.445

**12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ao tôm Tân Nam	8.881.102.764	2.096.181.501
Máy móc đang chờ lắp đặt	3.448.174.238	1.000.810.867
Khác	310.553.103	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.639.830.105</b>	<b>3.096.992.368</b>

**13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>		
Công cụ và dụng cụ xuất dùng	4.264.233.131	3.785.554.609
	4.264.233.131	3.785.554.609
<b>Dài hạn</b>		
Công cụ và dụng cụ xuất dùng	16.914.061.000	27.308.916.754
Khác	11.917.424.939	20.575.137.741
	4.996.636.061	6.733.779.013
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>21.178.294.131</b>	<b>31.094.471.363</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Kyokuyo Company Limited	12.696.326.700	-
Magnum Export Limited	11.146.442.400	-
Khác	59.348.454.139	53.747.965.822
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>83.191.223.239</u></b>	<b><u>53.747.965.822</u></b>

**15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	VND			
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số tăng trong năm</i>	<i>Số đã hoàn trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
<b>Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	24.560.602.530	50.527.225.074	(50.114.083.444)	24.973.744.160
Thuế nhập khẩu	10.638.834	206.555.028	(217.193.862)	-
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>24.571.241.364</u></b>	<b><u>50.733.780.102</u></b>	<b><u>(50.331.277.306)</u></b>	<b><u>24.973.744.160</u></b>
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Số tăng trong năm</i>	<i>Số đã nộp trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
<b>Phải trả</b>				
Thuế thu nhập cá nhân	2.935.735.741	7.097.261.459	(5.446.254.002)	4.586.743.198
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.248.515.252	15.516.090.979	(1.248.515.252)	15.516.090.979
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.184.250.993</u></b>	<b><u>22.613.352.438</u></b>	<b><u>(6.694.769.254)</u></b>	<b><u>20.102.834.177</u></b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**16. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Chi phí hoa hồng	1.895.568.926	-
Chi phí vận chuyển và cước tàu	1.554.189.458	404.005.677
Khác	8.633.808.835	6.512.428.999
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>12.083.567.219</u></b>	<b><u>6.916.434.676</u></b>

**17. PHẢI TRẢ KHÁC**

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
<b>Ngắn hạn</b>	<b>5.090.073.842</b>	<b>5.087.823.842</b>
Kinh phí công đoàn	5.026.631.242	5.026.631.242
Khác	63.442.600	61.192.600
<b>Dài hạn</b>	<b>635.000.000</b>	<b>630.000.000</b>
Nhận ký quỹ, ký cược	635.000.000	630.000.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.725.073.842</u></b>	<b><u>5.717.823.842</u></b>





# Công ty Cổ phần Thực phẩm Sao Ta

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

## 18. VAY NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Số phát sinh trong năm			Số cuối năm
		VND			
		Tăng	Giảm	Đánh giá lại	
Vay ngân hàng (*)	976.491.035.000	3.080.550.595.920	(3.461.979.666.820)	(1.777.504.600)	593.284.459.500

(\*) Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Ngày 31 tháng 12 năm 2018		Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất (%/năm)	Hình thức đảm bảo
	Số tiền (VND)	Nguyên tệ (USD)			
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Trăng</b>					
Vay USD	302.905.595.000	13.031.000	Từ ngày 21 tháng 3 năm 2019 đến ngày 28 tháng 4 năm 2019	3,0% - 3,4%	Nhà xưởng, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải (Thuyết minh số 10)
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Sóc Trăng</b>					
Vay USD	172.477.900.000	7.420.000	Từ ngày 13 tháng 5 năm 2019 đến ngày 5 tháng 6 năm 2019	3,8%	Nhà cửa và máy móc thiết bị tại nhà máy Tin An (Thuyết minh số 10) Hàng tồn kho (Thuyết minh số 9) Ao nuôi tôm Tân Nam (Thuyết minh số 13) Kho lạnh 4,000 tấn tại nhà máy An Sơn (Thuyết minh số 10)
<b>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phương Đông – Chi nhánh Cần Thơ</b>					
Vay USD	117.900.964.500	5.072.100	Từ ngày 2 tháng 4 năm 2019 đến ngày 30 tháng 4 năm 2019	3,1% - 3,2%	Tín chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>593.284.459.500</b>	<b>25.523.100</b>			

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**19. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN**

Số tiền này thể hiện khoản trích lập dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả.

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**20.1 Tăng giảm vốn chủ sở hữu**

	VND			
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
<b>Năm trước (chưa kiểm toán)</b>				
Số đầu năm	300.000.000.000	70.939.927.202	104.710.911.272	475.650.838.474
Phát hành cổ phiếu mới	90.000.000.000	(382.600.000)	-	89.617.400.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	111.028.481.026	111.028.481.026
Cổ tức công bố	-	-	(90.000.000.000)	(90.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(13.435.101.622)	(13.435.101.622)
<b>Số cuối năm</b>	<b>390.000.000.000</b>	<b>70.557.327.202</b>	<b>112.304.290.676</b>	<b>572.861.617.878</b>
<b>Năm nay</b>				
Số đầu năm	390.000.000.000	70.557.327.202	112.304.290.676	572.861.617.878
Phát hành cổ phiếu mới (*)	12.000.000.000	(30.000.000)	-	11.970.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	180.495.876.590	180.495.876.590
Cổ tức công bố	-	-	(58.500.000.000)	(58.500.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	(17.888.584.742)	(17.888.584.742)
<b>Số cuối năm</b>	<b>402.000.000.000</b>	<b>70.527.327.202</b>	<b>216.411.582.524</b>	<b>688.938.909.726</b>

(\*) Vào ngày 20 tháng 6 năm 2018, Công ty đã hoàn thành việc phát hành 1.200.000 cổ phiếu với giá phát hành 10.000 VND/cổ phiếu cho nhân viên theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 23 tháng 3 năm 2018. Theo đó, vốn điều lệ đăng ký của Công ty tăng từ 390.000.000.000 VND lên 402.000.000.000 VND theo GCNĐKDN điều chỉnh lần thứ 20 số 2200208753 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Sóc Trăng cấp vào ngày 24 tháng 7 năm 2018.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)**

**20.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức**

	VND	
	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Số đầu năm	390.000.000.000	300.000.000.000
Phát hành cổ phiếu mới	12.000.000.000	90.000.000.000
Số cuối năm	<u>402.000.000.000</u>	<u>390.000.000.000</u>
<b>Cổ tức</b>		
Cổ tức công bố và đã trả	58.500.000.000	90.000.000.000

**20.3 Cổ phiếu**

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu được phép phát hành	40.200.000	39.000.000
Cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.200.000	39.000.000
Cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	40.200.000	39.000.000

**20.4 Lãi trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Lợi nhuận thuần trong năm (VND)	180.495.876.590	111.028.481.026
Trừ: Quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*)	<u>(26.396.344.227)</u>	<u>(17.888.584.742)</u>
<b>Lợi nhuận thuần trong năm phân bổ cho cổ đông của Công ty (VND)</b>	<b>154.099.532.363</b>	<b>93.139.896.284</b>
Số lượng cổ phiếu bình quân ( <i>cổ phiếu</i> )	39.637.808	32.884.932
Lãi cơ bản trên cổ phiếu ( <i>VND/cổ phiếu</i> )	3.888	2.832
Lãi suy giảm trên cổ phiếu ( <i>VND/cổ phiếu</i> )	3.888	2.832

Công ty không có cổ phiếu suy giảm tiềm tàng vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

(\*) Số tiền này được ước tính dựa trên tỷ lệ 15% trên lợi nhuận sau thuế trích lập cho quỹ khen thưởng và phúc lợi của năm trước, theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 ngày 23 tháng 3 năm 2018.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**21. DOANH THU**

**21.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	VND	
	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>3.813.709.652.190</b>	<b>3.511.171.660.601</b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng thủy sản</i>	3.690.229.705.851	3.392.944.866.263
<i>Doanh thu bán hàng nông sản</i>	123.479.946.339	118.226.794.338
<b>Trừ:</b>	<b>(7.049.512.546)</b>	<b>(13.330.860.540)</b>
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	(6.226.393.860)	(13.330.860.540)
<i>Giảm giá hàng bán</i>	(823.118.686)	-
<b>DOANH THU THUẦN</b>	<b><u>3.806.660.139.644</u></b>	<b><u>3.497.840.800.061</u></b>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Doanh thu bán hàng thủy sản</i>	3.683.180.193.305	3.379.827.069.401
<i>Doanh thu bán hàng nông sản</i>	123.479.946.339	118.013.730.660

**21.2 Doanh thu hoạt động tài chính**

	VND	
	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.659.766.342	11.469.331.093
Lãi tiền gửi và lãi trái phiếu	5.504.686.575	9.757.315.751
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>11.164.452.917</u></b>	<b><u>21.226.646.844</u></b>

**22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	VND	
	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Giá vốn hàng thủy sản	3.329.647.095.809	3.144.862.172.116
Giá vốn hàng nông sản	82.332.941.013	80.373.463.097
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>3.411.980.036.822</u></b>	<b><u>3.225.235.635.213</u></b>





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	VND	
	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	11.038.361.478	3.203.714.465
Chi phí lãi vay	23.168.961.229	32.010.977.926
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>34.207.322.707</b>	<b>35.214.692.391</b>

**24. CHI PHÍ BÁN HÀNG**

	VND	
	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Chi phí vận chuyển	62.315.167.268	67.133.262.139
Chi phí hoa hồng	10.232.084.055	5.701.386.728
Chi phí thuế chống bán phá giá (*)	10.186.736.181	11.118.149.233
Chi phí nhân viên	3.319.506.651	2.143.563.340
Khác	15.310.503.462	12.273.210.842
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>101.363.997.617</b>	<b>98.369.572.282</b>

(\*) Đây là khoản chi phí thuế chống bán phá giá áp dụng cho các công ty xuất khẩu tôm sang thị trường Mỹ theo yêu cầu của luật thuế chống bán phá giá của Bộ Thương mại Mỹ, được tính toán và thu bởi Cơ quan Hải quan và Bảo vệ Biên giới Mỹ trước khi hàng hóa được nhập khẩu vào Mỹ. Vào ngày của báo cáo này, thuế suất chống bán phá giá sau cùng giá áp dụng cho Công ty cho giai đoạn từ ngày 1 tháng 2 năm 2017 đến ngày 31 tháng 12 năm 2018 chưa được xác định. Số thuế phải trả và chi phí thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của Bộ Thương mại Mỹ.

**25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	VND	
	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Chi phí nhân viên	35.045.055.934	25.649.713.005
Thuế và phí	5.380.939.110	4.945.347.689
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.156.193.852	4.818.393.438
Chi phí khấu hao và hao mòn	1.218.655.720	1.187.678.338
Khác	30.801.079.117	10.075.493.492
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>76.601.923.733</b>	<b>46.676.625.962</b>

1875  
CÔNG TY  
HÀNG  
PHẢI  
TA  
T. SỐ

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm nay	VND Năm trước (chưa kiểm toán)
Chi phí nguyên vật liệu	3.285.074.781.364	3.473.706.359.794
Chi phí nhân viên	430.785.189.508	321.936.193.897
Chi phí dịch vụ mua ngoài	114.885.736.913	117.028.223.251
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10 và 11)	61.517.945.912	51.868.616.734
Khác	177.241.172.977	131.907.511.074
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>4.069.504.826.674</u></b>	<b><u>4.096.446.904.750</u></b>

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Từ năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty áp dụng Thông tư số 96/2015/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài chính ngày 22 tháng 6 năm 2015 hướng dẫn về thuế TNDN ("Thông tư 96") và Công văn số 1327/CT-TTr từ Cục Thuế tỉnh Sóc Trăng ngày 1 tháng 12 năm 2015. Chi tiết như sau:

- ▶ Đối với hoạt động hàng nông sản và thủy sản ở vùng đặc biệt khó khăn: Công ty được miễn thuế TNDN trong suốt thời gian hoạt động; và
- ▶ Đối với hoạt động hàng thủy sản ở vùng khó khăn: Công ty được hưởng thuế suất 10% cho toàn bộ thời gian hoạt động.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính của Công ty có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**27.1 Chi phí thuế TNDN**

	Năm nay	VND Năm trước (chưa kiểm toán)
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành (Thu nhập) chi phí thuế TNDN hoãn lại	15.516.090.979 (1.985.248.521)	2.146.337.523 66.425.898
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>13.530.842.458</u></b>	<b><u>2.212.763.421</u></b>





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)**

**27.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)**

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>194.026.719.048</b>	<b>113.241.244.447</b>
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng cho Công ty	38.805.343.810	22.648.248.890
Thuế TNDN được miễn, giảm	(25.274.501.352)	(20.435.485.469)
<b>Chi phí thuế TNDN</b>	<b>13.530.842.458</b>	<b>2.212.763.421</b>

**27.2 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

**27.3 Thuế thu nhập hoãn lại**

Công ty đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VND			
	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước (chưa kiểm toán)
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	1.778.638.927	-	1.778.638.927	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả	702.060.475	631.982.200	70.078.275	34.404.425
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	96.986.548	(39.544.771)	136.531.319	(100.830.323)
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>	<b>2.577.685.950</b>	<b>592.437.429</b>		
<b>Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</b>			<b>1.985.248.521</b>	<b>(66.425.898)</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**28. NGHIỆP VỤ VỚI BÊN LIÊN QUAN**

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>VND</i>	
				<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (chưa kiểm toán)</i>
Công ty Cổ phần Tập đoàn PAN	Cổ đông lớn	Chia cổ tức	19.992.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thủy sản Bến Tre	Cổ đông lớn	Chia cổ tức Bán thành phẩm Bán máy móc	11.758.500.000 1.422.841.410 220.000.000	-	-

Chi tiết tiền thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát trong năm như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước (chưa kiểm toán)</i>
Lương và các chi phí liên quan	<u>14.270.078.000</u>	<u>11.369.184.000</u>

**29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty hiện đang thuê đất theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	<i>VND</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Đến 1 năm	45.857.760	45.857.760
Trên 1 – 5 năm	183.431.040	183.431.040
Trên 5 năm	<u>23.323.209.085</u>	<u>23.372.888.325</u>
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>23.552.497.885</u></b>	<b><u>23.602.177.125</u></b>

**30. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngoại tệ các loại:		
Đô la Mỹ (USD)	167.716,64	253.147,75
Yên Nhật (JPY)	35.214	45.344
Euro (EUR)	199,9	210,82
Nợ khó đòi đã xử lý (VND):		
Các khoản phải thu khác	400.000.000	-

8753  
CÔNG TY  
HÀNG  
PHẢI  
SAO TA  
3-1-5



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)  
vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

**32. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM**

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong báo cáo tài chính của Công ty.

  
Lưu Nguyễn Trúc Dung  
Người lập

  
Tô Minh Hằng  
Kế toán trưởng

  
  
Phạm Hoàng Việt  
Tổng Giám đốc

Ngày 8 tháng 3 năm 2019

